

LEV TOLSTOY

Huệ Khải dịch

CHUYỆN ĐẠO BÌNH DÂN



NHÀ XUẤT BẢN
HỒNG ĐỨC



Лев Толстой.

Nhưng giờ đây ông hiểu rằng cách tốt nhất để giữ lời hứa nguyện với Thiên Chúa và làm theo thánh ý là mỗi người trong lúc còn sống trên đời hãy thương yêu và làm điều lành việc phải cho những người khác.

HAI ÔNG LÃO

LEV TOLSTOY

CHUYỆN ĐẠO BÌNH DẪN



Huệ Khải (thánh thất Từ Vân, Phú Nhuận: 05-3-2016)
Ảnh: Nguyễn Thế Tuấn (thánh thất Trung Hải, Đà Nẵng)

TỬ SÁCH VĂN HỌC ĐẠI ĐẠO – Quyển 134-1
Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo thực hiện
ghi dấu mười ba năm hành đạo (tháng 6-2008/tháng 6-2021)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo

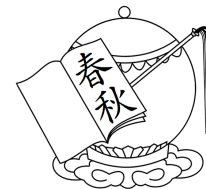
LEV TOLSTOY

CHUYỆN ĐẠO BÌNH DÂN

HUỆ KHAI dịch theo bản tiếng Anh
của **LOUISE** và **AYLMER MAUDE**

In lần thứ nhất

Nhà xuất bản **HỒNG ĐỨC**
Hà Nội 2021



CHUYỆN ĐẠO BÌNH DÂN

Ấn tống lần thứ nhất 1.200 quyển,
do công quả **mười ba triệu năm trăm ngàn đồng**
của hiền tử **VIVI NGUYỄN** (Canada)
(trích đợt 167)

Đồng kính thành hồi hướng cứu huyền thất tổ siêu thăng,
hiệp tâm cầu nguyện gia đạo vững bền, dân an quốc thái,
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hồng dương,
Đại Đạo Cao Đài quy nguyên thống nhất,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đăng bỉ ngạn.

ĐÔI LỜI THA THIẾT

Kinh sách được ấn tống để kính biểu rộng rãi là nhờ biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm. Để không phụ lòng các vị ân nhân ấy, xin quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của quý vị.

Ban Tu Thư & Ấn Tống

NỘI DUNG

Giao Cảm	6
Truyện Lev Tolstoy (1828-1910)	
1. BA VỊ ẨN SĨ	9
2. KẼ TỘI LỖI HỐI NGỘ	23
3. HAI ÔNG LÃO	31
Suy Niệm	69
Ngoại Tập:	
Truyện Oscar Wilde (1854-1900)	
GÃ KHỔNG LỒ ÍCH KỶ	73

Huệ Khải Lê Anh Dũng giữ bản quyền bản dịch.
All rights reserved © 2021.

GIAO CẢM

Quý bạn đọc thân thiết của Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo từng thưởng thức *Nơi Nào Thương Yêu Thì Có Thầy*,⁽¹⁾ ắt đều biết văn hào, bá tước Lev Tolstoy (1828-1910) là tác gia Nga, bậc thầy về tiểu thuyết hiện thực và là một trong các tiểu thuyết gia lỗi lạc nhất thế giới. Giờ đây, kính mời quý bạn xem tiếp *CHUYỆN ĐẠO BÌNH DÂN*, cũng của danh gia Lev Tolstoy, căn cứ theo bản tiếng Anh do vợ chồng Maude dịch từ nguyên tác tiếng Nga.⁽²⁾ Các chú thích trong bản tiếng Việt do Huệ Khải thêm vào.

Aylmer Maude (1858-1938) là người Anh, sang Mạc Tư Khoa (Nga) học hành (1874-1876) rồi sinh sống ở đó hơn hai mươi năm. Ông trở thành bạn vong niên của Tolstoy từ sau lần đầu gặp nhau vào năm 1888. Vợ ông là Louise Maude (1855-1939), người Anh, nhưng sinh trưởng ở Mạc Tư Khoa vì thân phụ là thương nhân lập nghiệp tại kinh thành này.

Sau nhiều năm tha hương, Aylmer và Louise trở về Anh năm 1897. Từ đó cho tới cuối đời cả hai chuyên tâm dịch các

⁽¹⁾ Truyện của Lev Tolstoy, Huệ Khải dịch (Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2019). Quyển thứ 128-1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo, Tủ Sách Văn Học Đại Đạo.

⁽²⁾ Cô Louise Shanks từ khi lấy chồng thì mang họ Maude. Theo văn hóa “quý bà trước tiên” (*lady first*) của Anh, khi in sách hai ông bà ghi tên người dịch là *Louise và Aylmer Maude*.

tác phẩm của Tolstoy sang tiếng Anh. Có thể nói hai ông bà đã tận tụy bắc chiếc cầu nối Tolstoy với văn học Anh.

Hai ông bà kết tập các truyện ngắn của Tolstoy, in chung vào năm 1906 tại London (Oxford University Press) với nhan đề *Hai Mươi Ba Câu Chuyện* (*Twenty-Three Tales*). Sách gồm bảy phần; chúng tôi lựa dịch trong đó ba truyện:

1. Ba Vị Ẩn Sĩ (*The Three Hermits*) là truyện mở đầu Phần V: *Những Chuyện Dân Gian Kể Lại* (*Folk-Tales Retold*), và là truyện thứ mười hai trong hiệp tuyển (tr. 174-181).

2. Kẻ Tội Lỗi Hối Ngộ (*The Repentant Sinner*) là truyện thứ sáu trong Phần V: *Những Chuyện Dân Gian Kể Lại*, và là truyện thứ mười bảy trong hiệp tuyển (tr. 228-230).

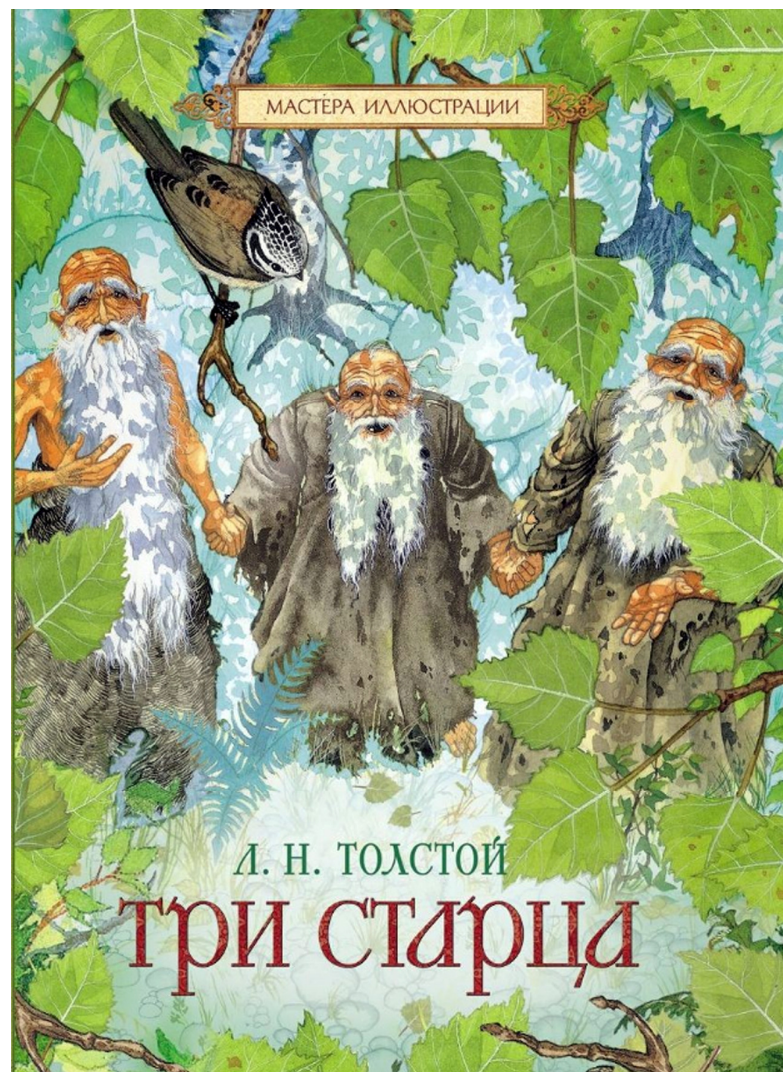
3. Hai Ông Lão (*Two Old Men*) là truyện áp chót của Phần II: *Những Truyện Bình Dân* (*Popular Stories*), và là truyện thứ sáu trong hiệp tuyển (tr. 92-117).

Tháng Sáu năm 2021 này, xin mượn *CHUYỆN ĐẠO BÌNH DÂN* làm món quà bày tỏ lòng biết ơn tất cả quý ân nhân suốt mười ba năm đã tin yêu và tùy duyên nâng đỡ cho Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo.

Xin cầu nguyện Đức Chí Tôn ban phước lành đến hết thầy các vị cũng như cứu huyền thất tổ các vị.

Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

*Nhiều Lộc, 23-4-2021
Huệ Khải*



BA VỊ ẨM SĨ, bìa bản tiếng Nga in tại Mạc Tư Khoa (2014)
Minh họa của Dominique Grebner

BA VỊ ẨN SĨ

Khi cầu nguyện, anh em đừng lải nhải như dân ngoại; họ nghĩ rằng cứ nói nhiều là được nhậm lời. Đừng bắt chước họ, vì Cha anh em đã biết rõ anh em cần gì, trước khi anh em cầu xin.

Mát-thêu 6:7-8

Câu chuyện này được truyền tụng ở vùng Vôn-ga (*Volga*), nước Nga. Dịch theo bản tiếng Anh nhan đề *The Three Hermits*, của bà Louise Maude (1855-1939) và ông Aylmer Maude (1858-1938), in trong hiệp tuyển *Twenty-Three Tales* (London: Oxford University Press, 1906). Đây là truyện mở đầu Phần V: *Folk-Tales Retold* (Những Chuyện Dân Gian Kể lại), và là truyện thứ mười hai trong hiệp tuyển (tr. 174-181).

Từ thành phố Ác-ăng-gien (*Archangelsk*)⁽¹⁾ một giám mục đang vượt biển tới tu viện Xô-lô-vét (*Solovétsk*).⁽²⁾ Trên tàu còn có một số khách hành hương muốn tới viếng các đền thờ ở đó. Cuộc hải hành suôn sẻ. Gió thuận lợi và thời tiết đẹp. Khách hành hương nằm trên boong tàu, ăn uống, hoặc ngồi tụm thành nhiều nhóm, tán gẫu. Giám mục cũng lên boong, và trong lúc đi qua đi lại, ngài chú ý thấy có mấy ông đứng gần mũi thuyền đang lắng nghe một ngư dân vừa chỉ tay ra ngoài khơi vừa kể chuyện chi đó. Giám mục dừng bước, nhìn theo hướng ngư dân chỉ tay. Nhưng ngài chẳng thấy được gì, ngoại trừ mặt biển lấp lánh ánh nắng. Ngài tới gần hơn để hóng chuyện, nhưng thấy ngài, ngư dân lột nón chào và nín lặng. Những người khác cũng lột nón và cúi chào.

Giám mục nói:

- Các bạn, đừng vì cha mà dở dang câu chuyện. Cha tới để nghe con người thiện lành này nói gì.

Khá bạo dạn hơn những người còn lại, một nhà buôn đáp:

- Ngư dân này đang kể chúng con nghe về các vị ẩn sĩ.

⁽¹⁾ Thành phố “Tổng Lãnh Thiên Thần”, ở phía bắc nước Nga, phần lãnh thổ nằm bên châu Âu.

⁽²⁾ Tu viện này thuộc Giáo Hội Chính Thống Nga, xây dựng năm 1436 trên quần đảo Xô-lô-vét-xki (*Solovetsky*), trong vùng biển rộng 90.000 km² mang tên Bạch Hải.



Một nhóm đứng gần mũi thuyền đang lắng nghe một ngư dân vừa chỉ tay ra ngoài khơi vừa kể chuyện chi đó.
Minh họa của Dominique Grebner (bản in Mạc Tư Khoa, 2014)

Bước tới bên thành tàu và ngồi lên một cái thùng, giám mục hỏi:

- Ẩn sĩ nào? Kể cho cha nghe với. Cha muốn nghe mà. Con đang chỉ trở gì vậy?

Ngư dân chỉ tay vào một điểm phía trước, hơi chếch sang bên phải, và nói:

- Đức Cha có thể thấy hòn đảo nhỏ tận đằng kia. Đó là hòn đảo các vị ẩn sĩ đang sống để cứu rỗi linh hồn mình.

Giám mục hỏi:

- Hòn đảo ở đâu? Cha nào thấy chi.

- Kìa, đằng xa đó, xin Đức Cha nhìn theo tay con. Đức Cha thấy cụm mây nho nhỏ kia không? Phía dưới nó, hơi chếch qua bên trái, chỉ có một vệt lờ mờ. Đó là hòn đảo.

Giám mục nhìn chăm chú, nhưng đôi mắt chưa quen nên không thể nhận dạng được gì ngoài làn nước lung linh ánh nắng.

Ngài nói:

- Cha không nhìn thấy. Nhưng các ẩn sĩ sống ở đó là ai?

Ngư dân đáp:

- Các vị ấy là thánh nhân. Từ lâu con đã nghe kể về các vị, nhưng mãi cho tới năm rồi mới có dịp thấy tận mắt.

Và ngư dân kể, lần đó ra khơi đánh cá, ban đêm thuyền ông mắc cạn tại hòn đảo nọ, mà ông không biết mình đang ở đâu. Buổi sáng, ông lang thang khắp đảo, tình cờ gặp một mái lều đắp bằng đất, và thấy một ông lão đứng gần bên. Liền lúc

đó, hai lão trượng nữa xuất hiện. Sau khi cho ông ăn uống, hong khô đồ đạc, họ giúp ông sửa thuyền.

Giám mục hỏi:

- Họ trông ra sao?

- Một vị nhỏ bé, lưng còng, mặc áo chùng thầy tu và rất già. Con dám nói vị ấy hẳn đã hơn trăm tuổi. Vị ấy già tới nỗi chòm râu bạc phơn phớt chút xanh lục, và lúc nào cũng mỉm cười, gương mặt sáng trưng như thiên thần từ trời cao giáng thế. Vị thứ hai cao hơn, nhưng cũng rất già. Vị này choàng áo khoác kiểu nông dân, đã te tua. Râu ngài rậm, màu xám hơi ngả vàng. Ngài khỏe lắm. Trước khi con kịp phụ một tay thì ngài đã lật lại cái thuyền của con gọn bâng như thể nó chỉ là cái xô nước. Ngài cũng tử tế và vui tánh. Vị thứ ba cao lớn, râu trắng như tuyết và dài chấm hai đầu gối. Ngài nghiêm nghị, cặp chân mày dài buông rủ, và chỉ quần tẩm đệm vòng quanh hông.

Giám mục hỏi:

- Họ có nói chuyện với con không?

- Thường thì các vị ấy im lặng làm mọi việc, ít nói ngay cả giữa ba vị. Một vị vừa liếc mắt, hai vị kia hiểu ý liền. Con hỏi vị cao nhất phải chăng các vị đã sống rất lâu trên đảo. Ngài nhú mày, lẩm bẫm chi đó như thể không hài lòng, thì vị già nhất bèn nắm lấy bàn tay của ngài mà mỉm cười. Thế thì vị cao nhất lặng thinh. Vị già nhất chỉ nói: “Hãy thương xót chúng tôi.” Rồi mỉm cười.

Trong lúc ngư dân đang kể, con tàu đã tới gần hòn đảo hơn.



Ngư dân và thương nhân chỉ tay, nói: “Đức Cha có thể thấy hòn đảo nhỏ đằng kia kia. Đó là hòn đảo các vị ẩn sĩ đang sống.”
Minh họa của Dominique Grebner (bản in Mạc Tư Khoa, 2014)

Nhà buôn vừa lấy tay chỉ vừa nói:

- Kia kia, bây giờ Đức Cha có thể thấy nó dễ dàng rồi.

Giám mục nhìn theo và bây giờ ngài thật sự trông thấy một vệt sẫm, là hòn đảo. Nhìn một lúc, ngài rời mũi tàu đi về phía đuôi tàu và hỏi người cầm lái:

- Đảo gì thế nhỉ?

Ông ta đáp:

- Đảo đó không có tên. Có nhiều đảo như vậy trong vùng biển này.

- Có đúng là ba vị ẩn sĩ sống trên đó để cứu rỗi linh hồn mình?

- Thừa Đức Cha, thiên hạ nói thế, nhưng con chẳng biết có đúng không. Các ngư dân nói đã nhìn thấy các ẩn sĩ, nhưng dĩ nhiên họ có thể thêu dệt.

Giám mục nói:

- Cha muốn lên đảo gặp những người này. Cha xoay xử thế nào đây?

Người cầm lái đáp:

- Tàu không thể tới sát đảo, nhưng có thể chờ Đức Cha tới đó bằng thuyền nhỏ. Đức Cha nên nói với thuyền trưởng.

Thuyền trưởng được vời tới.

Giám mục nói:

- Cha muốn gặp các ẩn sĩ này. Liệu có thể lấy thuyền chờ cha lên đảo không?

Thuyền trưởng cố can gián giám mục. Ông nói:

- Đương nhiên là được ạ. Nhưng chúng ta sẽ mất nhiều thời gian. Và nếu con bạo gan mà thừa với Đức Cha, thì mấy ông già đó không đáng để Đức Cha quá nhọc nhằn. Con nghe nói họ là những người gốc ghêch, chả hiểu biết gì, và chẳng hề thốt một lời, nào khác gì mấy con cá ngậm tăm dưới biển.

Giám mục nói:

- Cha muốn gặp họ, và cha sẽ đền bù cho con sự phiền phức và thời gian mất mát. Hãy cho cha một chiếc thuyền nhỏ.

Chẳng còn ngăn cản được nữa, thuyền trưởng bèn ra lệnh. Các thủy thủ xoay hướng mấy cánh buồm, người cầm lái xoay bánh lái, và con tàu trực chỉ về phía hòn đảo. Một chiếc ghế được đặt ở mũi tàu dành cho giám mục, và ngài ngồi xuống, nhìn ra phía trước. Tất cả hành khách cũng dồn ra mũi tàu, chăm chăm nhìn hòn đảo. Ai có mắt tinh tường hơn cả có thể dễ dàng nhận ra những tảng đá, và rồi mái lều đắp bùn đất. Cuối cùng một người trông thấy ba vị ẩn sĩ. Thuyền trưởng có mang theo ống dòm, sau khi nhìn xong, trao nó cho giám mục.

- Đúng họ rồi. Có ba người đứng trên bờ. Kia, người nhỏ bé phía bên phải tảng đá lớn ấy.

Giám mục cầm ống dòm, chia thẳng vào mục tiêu, và nhìn thấy ba người: một cao lớn, một thấp hơn, và một rất nhỏ bé, còng lưng; cả ba đang đứng trên bờ, cùng nhau tay trong tay.

Quay sang giám mục, thuyền trưởng nói:

- Thừa Đức Cha, tàu không thể đi tới đảo gần hơn nữa. Nếu ngài muốn lên bờ, chúng con xin ngài bước xuống thuyền nhỏ, trong lúc chúng con neo tàu tại đây.

Dây cáp mau chóng thả ra, mỏ neo bỏ xuống, các cánh buồm cuộn lại. Một cú giật nảy, con tàu lắc lư. Rồi chiếc thuyền con hạ thấp xuống, mấy tay chèo nhảy vào, còn giám mục leo xuống bằng thang và yên vị. Thủy thủ vung mái chèo, con thuyền lướt nhanh về phía đảo. Khi cách bờ một khoảng ngắn, họ nhìn thấy ba ông lão: Vị cao lớn chỉ quần tẩm đệm quanh hông, vị thấp hơn choàng tẩm áo khoác te tua của nông dân, và vị rất già còng lưng, mặc áo thầy tu cũ kỹ. Tất cả ba vị đứng nắm tay nhau.

Các tay chèo cặp bờ, dùng móc giữ cho thuyền không chòng chành trong lúc giám mục rời thuyền.

Ba lão trượng cúi chào giám mục, và ngài làm dấu ban phép lành cho họ, thì họ cúi xuống sâu hơn nữa. Rồi giám mục mở lời:

- Cha nghe rằng các con, những người thánh thiện, sống nơi đây để cứu rỗi linh hồn mình, và cầu nguyện Chúa Ki-tô cho anh em các con. Cha là một tội tớ bất xứng của Đức Ki-tô, nhờ lòng thương xót của Thiên Chúa mà được ơn gọi chẵn giữ và dạy dỗ đàn chiên của Ngài. Cha muốn gặp các con, những tội tớ của Thiên Chúa, và làm những gì cha có thể dạy bảo các con.

Ba lão trượng nhìn nhau mỉm cười, nhưng vẫn lặng thinh.

Giám mục nói:

- Hãy cho cha biết, các con đang làm gì để cứu rỗi linh hồn

mình, và cách các con phụng sự Thiên Chúa trên đảo này.

Vị ẩn sĩ thứ hai thở dài, nhìn vị già nhất. Vị già nhất mỉm cười, nói:

- Chúng tôi không biết cách phụng sự Thiên Chúa. Thừa tội tớ của Thiên Chúa, chúng tôi chỉ phục vụ và nâng đỡ bản thân chúng tôi.

Giám mục hỏi:

- Nhưng các con cầu nguyện Thiên Chúa ra sao?

Một ẩn sĩ đáp:

- Chúng tôi cầu nguyện thế này: Ba là ngài, ba là chúng con, xin thương xót chúng con.

Và khi vị ẩn sĩ nói xong, cả ba cùng ngược nhìn lên trời, cùng lặp lại:

- Ba là ngài, ba là chúng con, xin thương xót chúng con.

Giám mục mỉm cười. Ngài nói:

- Các con hiển nhiên đã nghe nói về Thiên Chúa Ba Ngôi. Nhưng các con cầu nguyện không đúng cách. Hỡi những người thánh thiện, các con đã chiếm được lòng yêu mến của cha. Cha thấy các con muốn làm Chúa hài lòng, nhưng không biết cách phụng sự Người. Làm như các con đâu phải là cầu nguyện. Hãy lắng nghe cha, và cha sẽ dạy các con. Cha sẽ dạy các con, không phải cách riêng do cha bày ra đâu, mà là theo Kinh Thánh chép lời Thiên Chúa truyền dạy cho muôn dân biết cách cầu nguyện Người.

Và giám mục bắt đầu giảng giải cho ba vị ẩn sĩ hiểu cách Thiên Chúa đã tỏ mình ra cho con người biết Ngài; nói cho họ

nghe về Chúa Cha, Chúa Con, và Chúa Thánh Thần.

Ngài nói:

- Chúa Con xuống thế cứu loài người, và đây là cách Chúa dạy chúng ta cầu nguyện. Hãy nghe và lặp lại theo cha: Lạy Cha chúng con.

Và ông lão thứ nhất lặp lại theo ngài:

- Lạy Cha chúng con.

Người thứ hai nói:

- Lạy Cha chúng con.

Và người thứ ba nói:

- Lạy Cha chúng con.

Giám mục tiếp tục:

- Ở trên trời.

Ấn sĩ thứ nhất lặp lại:

- Ở trên trời.

Nhưng vị thứ hai nói vấp vấp, và vị ấn sĩ cao lớn không thể nhắc lại cho đúng. Bộ râu phủ kín miệng thành thử ông lão không thể nói được rõ ràng. Vị ấn sĩ rất già rụng hết răng, cũng chỉ lẩm bầm không thành tiếng.

Giám mục lặp lại lần nữa, và ba vị lặp lại theo. Giám mục ngồi trên một tảng đá, các lão trượng đứng trước mặt ngài, chú ý nhìn miệng ngài, và nhắc lại từng chữ ngài nói. Suốt một ngày dài, giám mục mệt nhoài, vì cứ phải nhắc đi nhắc lại một chữ hai mươi, ba mươi, một trăm lần, và các lão

trượng lặp lại theo ngài. Họ vấp vấp, nói sai thì ngài sửa, và bắt họ nói lại.

Giám mục không rời đi cho tới khi dạy xong trọn bài Kinh Lạy Cha để cho ba vị không chỉ lặp lại được theo ngài mà còn có thể tự mình đọc kinh được. Vị ở giữa là người đầu tiên thuộc bài, có thể một mình đọc lại trọn vẹn. Giám mục bắt ông lão lặp đi lặp lại và cuối cùng hai vị kia cũng thuộc lòng.

Trước lúc giám mục đứng lên để trở về tàu thì trời sập tối, ánh trăng soi trên mặt biển. Khi giám mục từ già, cả ba vị rạp mình sát đất chào ngài. Ngài nâng họ dậy, hôn từng người, bảo hãy cầu nguyện như ngài đã chỉ dạy. Rồi ngài lên thuyền và trở về tàu.

Lúc ngồi trên thuyền trở về tàu, giám mục có thể nghe tiếng ba vị ẩn sĩ đang cao giọng lặp lại Kinh Lạy Cha. Thuyền tới gần tàu thì không còn nghe được giọng họ nữa, nhưng vẫn có thể nhìn thấy họ đứng trên bờ dưới ánh trăng, vẫn y như lúc ngài từ già họ: Vị thấp nhất ở giữa, vị cao nhất bên phải, vị trung bình bên trái. Ngay khi giám mục lên tới boong tàu, neo được kéo lên, những cánh buồm giương ra, căng gió, con tàu lao đi. Giám mục ngồi ở đuôi tàu và nhìn hòn đảo ngài mới rời khỏi. Ngài còn thấy các ẩn sĩ một lúc, nhưng bây giờ họ đã khuất khỏi tầm mắt, dù vẫn còn thấy được hòn đảo. Cuối cùng hòn đảo mất dạng, chỉ còn mặt biển dập dờn dưới ánh trăng.

Khách hành hương ngã lưng nằm ngủ, tất cả im lìm trên boong tàu. Giám mục không muốn ngủ, ngồi lẻ loi ở đuôi tàu, chăm chăm nhìn ra biển, nơi hòn đảo mất dạng, và nghĩ tới những ông lão thiện lành. Ngài nghĩ họ vui sướng biết bao vì

học được Kinh Lạy Cha; và ngài tạ ơn Thiên Chúa đã sai ngài tới chỉ dạy, giúp đỡ những người thánh thiện ấy.

Giám mục ngồi như thế, nghĩ ngợi, và nhìn chăm chăm ra biển, nơi hòn đảo mất dạng. Bóng trắng lung linh trước mắt ngài, lấp lánh, lúc ở đây lúc ở kia dạt theo sóng nước. Bất chợt, ngài nhìn thấy cái gì sáng trắng, trên cái dải trắng bạc vắt ngang mặt biển. Cánh hải âu chăng? Hay lá buồm loang loáng của chiếc thuyền nhỏ bé nào đó? Giám mục dán mắt vào vật lạ, phân vân.

Ngài nghĩ: “Hẳn đó là chiếc thuyền đang đi sau mình, nhưng nó nhanh hơn mình nhiều. Một phút trước nó còn ở xa, mà bây giờ lại gần lắm rồi. Không thể là thuyền được, vì mình chẳng thấy cánh buồm nào. Mà dù có thể là gì đi nữa, nó đang bám theo mình, đuổi kịp mình.”

Và ngài không thể xác định nó là gì. Không phải thuyền, hay chim, hay cá! Nó lớn quá, không thể là người được; vả lại, người thì làm sao ra đó giữa biển khơi. Giám mục đứng lên, bảo người lái tàu:

- Hãy trông kia, cái gì thế, bạn tôi ơi? Cái gì thế?

Giám mục lặp lại câu hỏi, dù lúc này ngài đã nhìn rõ đó là gì – ba vị ẩn sĩ chạy trên mặt nước, tất cả đều tỏa ánh sáng trắng, ba bộ râu bạc tở ngời, và các vị tới bên tàu nhanh chóng như thể con tàu không hề di chuyển.

Người lái tàu nhìn và hoảng sợ buông tay lái.

- Chúa ơi! Các ẩn sĩ đang đuổi theo chúng ta, chạy băng băng trên mặt biển như thể nó là đất liền!

Nghe tiếng ông ta hô hoảng, các hành khách đều bật dậy,

và túm tụm ra đuôi tàu. Họ thấy ba ẩn sĩ tay trong tay đang lao tới, hai vị ở ngoài bìa vẫy tay làm hiệu dừng tàu lại. Cả ba lướt nhẹ trên mặt biển mà bàn chân không hề động đậy. Trước khi con tàu có thể dừng lại thì ba vị đã tới sát bên tàu, ngẩng cao đầu, đồng thanh cất tiếng:

- Thưa tôi tớ của Thiên Chúa, chúng tôi đã quên lời chỉ dạy của ngài. Hể còn lặp đi lặp lại thì còn nhớ, nhưng vừa ngưng tiếng thì chữ nghĩa rơi rụng hết. Chúng tôi không thể nhớ gì cả. Xin hãy dạy cho chúng tôi lần nữa.

Giám mục làm dấu thánh giá trước ngực, nghiêng người qua mạn tàu mà nói:

- Thưa những người của Thiên Chúa, lời cầu nguyện của quý ngài sẽ tới Chúa. Nào phải để con chỉ bày quý ngài. Xin hãy cầu nguyện cho chúng con là những kẻ tội lỗi.

Rồi giám mục cúi mình thấp xuống trước ba vị lão trượng; và cả ba quay lưng, băng qua mặt biển quày trở lại đảo. Ở chỗ các vị mất dạng, ánh sáng tỏa chiếu cho tới lúc rạng đông.

*Mạc Tư Khoa, 1886
Nhiều Lộc, 02-01-2020*

KẺ TỘI LỖI HỐI NGỘ

Rồi anh ta thưa với Đức Giê-su: “Ông Giê-su ơi, khi ông vào Nước của ông, xin nhớ đến tôi.” Và Người nói với anh ta: “Tôi bảo thật anh, hôm nay, anh sẽ được ở với tôi trên Thiên Đàng.”

Lu-ca 23:42-43

Dịch theo bản tiếng Anh nhan đề *The Repentant Sinner*, của bà Louise Maude (1855-1939) và ông Aylmer Maude (1858-1938), in trong hiệp tuyển *Twenty-Three Tales* (London: Oxford University Press, 1906). Đây là truyện thứ sáu trong Phần V: *Folk-Tales Retold* (Những Chuyện Dân Gian Kể lại), và là truyện thứ mười bảy trong hiệp tuyển (tr. 228-230).

Từng có một ông sống bảy mươi năm trên đời, và sống ngần ấy thời gian trong tội lỗi. Ông ngã bệnh, nhưng ngay cả lúc đó vẫn chẳng sám hối. Chỉ đến giây phút sau cùng, khi hấp hối, ông mới khóc và nói:

- Lạy Chúa, xin tha thứ cho con, như Ngài đã thứ tha kẻ cướp trên thập giá.⁽¹⁾

Khi ông thốt ra những lời này, hồn ông lìa khỏi thân xác. Cảm nhận được tình yêu kính Thiên Chúa cùng với đức tin vào lòng từ bi của Thiên Chúa, hồn kẻ tội lỗi đi tới Cổng Trời, gõ cửa, nguyện cầu xin phép được vào Nước Trời.

Bấy giờ bên trong cổng vang lên giọng nói:

- Ai gõ cửa Thiên Đàng thế? Trong đời người này đã làm những việc gì vậy?

Thần Công Tố lên tiếng trả lời, kể lại tất cả những tội lỗi ông ta gây tạo, và chẳng có một việc lành nào cả.

Giọng nói bên trong cổng vang lên:

- Những kẻ tội lỗi không thể vào Nước Trời. Người hãy đi đi!

Khi ấy ông ta nói:

⁽¹⁾ Xem thêm: Huệ Khải, *Kẻ Cướp Được Vào Thiên Đàng*, trong *Phúc Âm Kể Lại Theo R.F. Wilson*. Hà Nội: Nxb Hồng Đức, 2019, tr. 81-88.

- Thưa ngài, con nghe giọng ngài nhưng chẳng thấy mặt mà cũng không biết danh ngài.

Giọng nói trả lời:

- Ta là tông đồ Phê-rô.

Và kẻ tội lỗi đáp lại:

- Hãy thương xót con, hỡi tông đồ Phê-rô! Xin ngài hãy nhớ tới sự yếu đuối của con người và lòng từ bi của Thiên Chúa. Ngài há chẳng phải là một môn đệ của Đức Ki-tô sao? Chẳng phải ngài được nghe thánh huấn truyền ra từ chính miệng Chúa? Chẳng phải Chúa đã là tấm gương sáng trước mắt ngài ư? Thì ngài hãy nhớ, khi Chúa u sầu, lòng dạ đau khổ, và ba lần Chúa bảo ngài tỉnh thức mà cầu nguyện, thì ngài cứ ngủ, vì đôi mắt ngài nặng chịch, và ba lần Chúa thấy ngài say ngủ.⁽²⁾ Thì con cũng thế thôi mà. Xin ngài cũng nhớ cho, chính ngài đã hứa trung thành với Chúa tới chết, thế nhưng ba lần ngài chối Chúa, khi Chúa bị đưa tới trước mặt

⁽²⁾ Bấy giờ Đức Giê-su đi cùng các ông đến một thửa đất gọi là Ghết-sê-ma-ni (*Gethsemane*). Người nói với các môn đệ: “Anh em ngồi lại đây, Thầy đến đây kia cầu nguyện.” Rồi Người đưa ông Phê-rô (*Peter*) và hai người con ông Ê-bê-đê (*Zebedee*) đi theo. Người bắt đầu cảm thấy buồn rầu xao xuyến. Bấy giờ Người nói với các ông: “Tâm hồn Thầy buồn đến chết được. Anh em ở lại đây mà canh thức với Thầy.” Người đi xa hơn một chút, sắp mặt xuống, cầu nguyện. Rồi Người đến chỗ các môn đệ, thấy các ông đang ngủ, liền nói với ông Phê-rô: “Thế ra anh em không thể canh thức nổi với Thầy một giờ sao?” Người lại đi cầu nguyện lần thứ hai. Rồi Người lại đến, thấy các môn đệ vẫn đang ngủ, vì mắt họ nặng trĩu. Người để mặc các ông mà đi cầu nguyện lần thứ ba. Bấy giờ Người đến chỗ các môn đệ và nói với các ông: “Lúc này mà còn ngủ, còn nghỉ sao?” (*Mát-thêu 26:36-45*)

Cai-pha.⁽³⁾ Thì con cũng thế thôi mà. Và xin cũng nhớ rằng khi gà gáy ngài đã bỏ ra ngoài mà khóc lóc đặng cay.⁽⁴⁾ Thì con cũng thế thôi mà. Ngài chẳng thể từ chối, không cho con vào Nước Trời.

Giọng nói phía sau cổng lặng thinh.

Kẻ tội lỗi đứng đó một lúc, và lại bắt đầu gõ nữa, cầu xin được vào Nước Trời.

Và ông nghe phía sau cánh cổng vang lên một giọng nói khác:

- Người này là ai? Sống dưới trần ra sao?

⁽³⁾ Đức Giê-su bảo ông Phê-rô: “Thầy bảo thật anh: Nội đêm nay, gà chưa kịp gáy, thì anh đã chối Thầy ba lần.” Ông Phê-rô lại nói: “Dầu có phải chết với Thầy, con cũng không chối Thầy.” (*Mát-thêu 26:34-35*) – **Cai-pha**: Trước lễ Vượt Qua, Thượng Hội Đồng Do Thái Giáo đã họp bàn âm mưu bắt Chúa Giê-su. Cai-pha (*Caiaphas*) làm chủ tịch Thượng Hội Đồng này.

⁽⁴⁾ Họ bắt Đức Giê-su, rồi điệu đến thượng tế Cai-pha. Ông Phê-rô theo Người xa xa, đến tận dinh thượng tế. Một người tớ gái đến bên ông và nói: “Cả bác nữa, bác cũng đã ở với ông Giê-su, người Ga-li-lê (*Galilee*) đó chứ gì?” Ông liền chối trước mặt mọi người: “Tôi không biết cô nói gì!” Ông đi ra đến cổng thì một người tớ gái khác thấy ông, liền nói với những người ở đó: “Bác này cũng đã ở với ông Giê-su người Na-da-rét (*Nazareth*) đấy.” Nhưng ông Phê-rô lại thề mà chối: “Tôi không biết người ấy.” Một lát sau, những người đứng đó xích lại gần ông Phê-rô mà nói: “Đúng là bác cũng thuộc bọn họ.” Bấy giờ ông Phê-rô liền quả quyết: “Tôi thề là không biết người ấy.” Ngay lúc đó, có tiếng gà gáy. Ông Phê-rô sực nhớ lời Đức Giê-su đã nói: “Gà chưa kịp gáy thì anh đã chối Thầy ba lần.” Ông ra ngoài, khóc lóc thảm thiết. (*Mát-thêu 26:57-58; 69-75*)

Giọng Thần Công Tố trả lời, lặp lại lần nữa tất cả những tội lỗi của ông ta, và chẳng có một việc lành nào cả.

Rồi giọng nói phía sau cánh cổng trả lời:

- Vậy thì ngươi hãy đi đi. Những kẻ tội lỗi như thế chẳng được sống với chúng ta nơi Thiên Đàng.

Khi ấy kẻ tội lỗi nói:

- Thưa ngài, con nghe giọng ngài mà không thấy ngài, cũng không biết danh ngài.

Thì giọng nói đáp:

- Ta là Đa-vít; là vua mà cũng là ngôn sứ.⁽⁵⁾

Kẻ tội lỗi không thất vọng, cũng không rời khỏi cổng Thiên Đàng. Ông nói:

- Hãy thương xót con, hỡi vua Đa-vít! Xin ngài hãy nhớ tới sự yếu đuối của con người và lòng từ bi của Thiên Chúa. Thiên Chúa yêu ngài và tán dương ngài hơn mọi người. Ngài có tất cả: một vương quốc, vinh quang, của cải, các thê thiếp, và con cái; nhưng đứng trên sân thượng đền vua, khi nhìn thấy bà Bát Se-va, vợ ông U-ri-gia đang tắm thì tội lỗi ngự trị tâm hồn ngài, nên ngài bèn chiếm đoạt bà vợ, rồi mượn gươm con cái Am-mon mà giết ông chồng. Ngài, một người giàu có, lại cướp đi người vợ yêu quý của ông chồng đáng



Vua Đa-vít đứng trên sân thượng hoàng cung đang nhìn trộm bà Bát Se-va tắm. Tranh xưa minh họa Kinh Thánh.

⁽⁵⁾ **Ngôn sứ** trước kia thường được gọi là “nhà tiên tri” (*prophet*). Ngôn sứ là người được Thiên Chúa gọi làm sứ giả, nhân danh Thiên Chúa để truyền đạt sứ điệp của Ngài, hoặc báo trước một biến cố cho dân chúng biết.

thương, lại còn giết chết ông ta nữa.⁽⁶⁾ Con cũng làm giống như ngài mà thôi. Thế thì, xin ngài hãy nhớ, ngài đã sám hối thế nào, đã nói: “Ta thú nhận sự phạm pháp của ta;⁽⁷⁾ tội lỗi của ta cứ hiển hiện trước mắt ta.” Con cũng phạm tội giống y ngài đấy thôi. Ngài chẳng thể từ chối, không cho con vào Nước Trời.

Giọng nói phía trong cổng lặng thinh.

Kẻ tội lỗi cứ đứng đó một lúc, lại bắt đầu gõ cửa nữa, cầu xin được vào Nước Trời. Ông nghe giọng nói thứ ba bên trong cổng vang ra:

- Người này là ai? Sống thế nào trên cõi trần?

Thần Công Tố lên tiếng trả lời lần thứ ba, kể lại những tội lỗi của ông ta, và chẳng nêu được một việc lành nào cả.

Và giọng nói phía trong cánh cổng vang ra:

- Vậy thì người hãy đi đi. Những kẻ tội lỗi không thể vào Nước Trời.

Kẻ tội lỗi nói:

- Con nghe giọng ngài mà không thấy mặt ngài, cũng không biết danh ngài.

Khi ấy giọng nói trả lời:

- Ta là Gio-an, môn đồ yêu dấu của Chúa Ki-tô.

⁽⁶⁾ Lev Tolstoy kể rất vắn tắt vụ vua Đa-vít (*David*) cướp vợ ông Uri-gia (*Uriah*) là bà Bát Se-va (*Bathsheba*) rồi mượn tay người Am-mon (*the Ammonites*). Căn cứ theo 2 Samu-en 11:1-27, Huệ Khải đã thêm chi tiết như trên.

⁽⁷⁾ Xem thêm 2 Sa-mu-en 12:13.

Kẻ tội lỗi hân hoan thốt lên:

- Giờ đây chắc chắn con được phép đi vào Nước Trời rồi. Thánh Phê-rô và vua Đa-vít phải để con vào, vì các ngài biết sự yếu đuối của con người và đức từ bi của Thiên Chúa. Mà ngài sẽ để con vào vì ngài thương yêu rất nhiều. Chẳng phải là ngài ư, hỡi Thánh Gio-an môn đồ Chúa Ki-tô yêu dấu? Có phải ngài từng viết rằng Thiên Chúa là tình thương, kẻ nào không có tình thương thì không biết Thiên Chúa? Và ngày xưa ngài đã bảo dân chúng rằng hỡi anh em, hãy thương yêu nhau. Thế thì, sao ngài lại có thể nhìn con với lòng thù nghịch và xua đuổi con đi khuất mắt? Hoặc là ngài phải chối bỏ những gì ngài đã nói, hoặc là vì yêu thương con mà phải để con vào Nước Trời.

Tức thì đôi cánh cổng Thiên Đàng mở ra, Thánh Gio-an ôm chầm lấy kẻ tội lỗi hối ngộ và đưa ông vào Nước Trời.

*Mạc Tư Khoa, 1886
Nhiều Lộc, 24-12-2019*

HAI ÔNG LÃO

I

Phụ nữ ấy nói với Người: “Thưa ông, tôi thấy ông là một ngôn sứ. Cha ông chúng tôi đã thờ Thiên Chúa trên núi này; còn người Do Thái các ông bảo phải thờ Thiên Chúa ở Giê-ru-sa-lem.”

Đức Giê-su dạy: “Này chị, hãy tin tôi. Đã đến giờ các người sẽ thờ Cha, không phải trên núi này hay tại Giê-ru-sa-lem. (. . .) Nhưng giờ đã đến – và chính là lúc này đây – khi những người thờ phượng chân chính sẽ thờ Cha trong thần khí và sự thật, vì Cha tìm kiếm những ai thờ Cha như vậy.

Gio-an 4:19-21, 23

Dịch theo bản tiếng Anh nhan đề *Two Old Men*, của bà Louise Maude (1855-1939) và ông Aylmer Maude (1858-1938), in trong hiệp tuyển *Twenty-Three Tales* (London: Oxford University Press, 1906). Đây là truyện áp chót của Phần II: *Popular Stories (Những Truyện Bình Dân)*, và là truyện thứ sáu trong hiệp tuyển (tr. 92-117).

Ngày xưa có hai ông lão quyết định hành hương tới Giê-ru-sa-lem (*Jerusalem*) để bái lạy Thiên Chúa. Một ông là nông dân giàu có, tên gọi Ê-phim (*Efim*). Người kia là Ê-li-sê (*Elisha*), chẳng giàu như bạn.

Ê-phim là người đáng kính, nghiêm nghị, kiên định. Ông chẳng rượu chè, không hút thuốc, và cả đời chưa hề thốt lời thô lỗ. Có hai phen ông làm trưởng làng, và khi ông rời chức vụ ấy thì sổ sách đâu ra đấy. Gia đình ông đông: Hai con trai và một cháu nội đã kết hôn; tất cả đều sống bên ông. Ông khỏe mạnh, râu dài và trắng; chỉ khi quá lực tuần bộ râu mới điểm bạc.

Ê-li-sê chẳng giàu chẳng nghèo. Hồi trước ông đi xa làm thợ mộc nhưng bây giờ già rồi, nên ở nhà và nuôi ong. Một cậu con trai đã tha hương tìm việc làm; cậu kia vẫn sống trong nhà. Ê-li-sê là ông lão tử tế và vui tánh. Quả thật, đôi lúc ông có uống rượu, hít bột thuốc lá, và thích ca hát nghêu ngao. Ông hiền lành, sống chan hòa với mọi người trong gia đình và lối xóm. Ông thấp, da sẫm, râu xoăn, và hói cả đầu giống như vị Thánh bốn mạng Ê-li-sê của ông.

Từ lâu rồi hai ông lão đã nguyện hứa sẽ thu xếp để cùng nhau hành hương đến Giê-ru-sa-lem. Nhưng Ê-phim chưa bao giờ có thời gian rảnh rang; lúc nào cũng có việc liền tay; ngay khi việc này vừa xong thì việc khác lại tới. Trước tiên



Hai ông lão gặp nhau ngoài sân, ngồi trò chuyện trên hai khúc gỗ.
Ê-li-sê hỏi cả đều giống như vị thánh bốn mạng Ê-li-sê của ông.

ông phải lo liệu cho cháu nội cưới vợ; kể đến phải chờ cậu con út giải ngũ trở về, và sau đó ông khởi sự cất cái nhà trệt nho nhỏ .

Một ngày lễ nợ hai ông lão gặp nhau ngoài sân, ngồi trò chuyện trên hai khúc gỗ.

Ê-li-sê hỏi:

- Này, chừng nào tụi mình mới hoàn thành nguyện hứa?

Ê-phim nhăn mặt, nói:

- Tụi mình phải đợi. Năm nay hóa ra là một năm khó khăn cho tôi. Tôi bắt tay cất cái nhà nho nhỏ này, tưởng đâu sẽ tốn chừng hơn trăm rúp,⁽¹⁾ nào dè bây giờ nó tăng vọt lên ba trăm mà vẫn chưa xong. Tụi mình phải đợi tới mùa hè. Sang hè, có Thiên Chúa phù hộ, tụi mình dứt khoát sẽ đi thôi.

Ê-li-sê nói:

- Tôi thấy dường như tụi mình không nên trì hoãn, mà hãy đi ngay. Mùa xuân là thời gian tốt nhất.

- Thời gian thì khá tốt rồi, nhưng việc cất nhà của tôi thì sao? Bỏ đi sao được?

⁽¹⁾ Đồng rúp (*ruble, rouble*) là tiền Nga, lưu hành từ thế kỷ 14. Nga là nước đầu tiên ở châu Âu dùng tiền theo hệ thập phân vào năm 1704; khi ấy, một rúp bằng một trăm cô-péc (*kopeks*). Tolstoy viết truyện này năm 1885. Theo Kira Egorova và Ksenia Zubacheva trong bài viết ngày 14-5-2020 đăng trên *Russia Beyond* (<https://www.rbth.com>), thì vào năm 1895 một trăm đồng rúp vàng (*golden roubles*) tương đương năm mươi mốt Mỹ kim, đủ mua một con ngựa khỏe để kéo xe (*cart-horse*) hay một đàn piano cũ.

- Làm như ông chẳng có ai để giao trách nhiệm. Con trai ông có thể coi sóc mà.

- Nhưng cách nào chứ? Thằng cả của tôi chẳng đáng tin cậy; có khi nó uống quá chén.

- A, ông bạn lảng giềng ơ! Khi tụi mình chết thì chúng nó cứ sống tiếp, chẳng cần tụi mình đâu. Hãy cho con ông khởi sự bây giờ để nó có chút kinh nghiệm.

- Đúng là thế; nhưng dù sao đã bắt tay làm việc gì thì ai cũng muốn thấy nó hoàn tất.

- Ê, bạn à, tụi mình chẳng bao giờ có thể hoàn thành tất cả những gì mình phải làm. Hôm rồi, đám đàn bà con gái nhà tôi quét dọn, lau chùi nhà cửa đón Phục Sinh. Chỗ này cần dọn, chỗ kia cần dẹp, và họ không thể quán xuyến được tất. Thế là con dâu trưởng của tôi vốn dĩ sáng suốt bèn nói: “Chúng mình phải biết ơn ngày lễ cứ tới, không chờ không đợi chúng mình; vì bất kể mình làm quần quật đến đâu vẫn chẳng xong xuôi mà đón lễ.”

Ê-phim trở nên trầm tư, rồi nói:

- Tôi đã tốn nhiều tiền vào cái nhà này, và không thể lên đường đi xa với túi rỗng. Mỗi đứa tụi mình sẽ cần một trăm rúp mà nó đâu phải ít ỏi.

Ê-li-sê cười lớn:

- Thôi thôi, bạn già! Ông khá giả hơn tôi cả chục lần mà còn mở miệng than vãn tiền nong. Chỉ nên nói chừng nào thì lên đường, và bây giờ dù tôi chả có đồng nào nhưng tới chừng đó sẽ đủ tiền.

Ê-phim mỉm cười:

- Bạn thân ơ! Tôi đâu dè ông giàu như vậy. Sao, ông moi đâu ra tiền hả?

- Tôi có thể quơ quào trong nhà một chút; nếu chưa đủ thì bán một chục tổ ong cho tay hàng xóm. Ông ta lâu nay vẫn muốn mua lại.

- Nếu năm nay đàn ong sinh sôi đông đúc thì ông sẽ tiếc của.

- Tiếc ư? Không đâu, bạn lảng giềng ơ! Bình sinh tôi chưa từng hối tiếc bất cứ việc gì, ngoại trừ tội lỗi bản thân. Chẳng có chi quý giá hơn linh hồn đâu.

- Đúng thế; tuy nhiên xao lãng việc nhà thì chẳng tốt chẳng hay.

- Nhưng xao lãng linh hồn tụi mình thì sao nè? Nó còn tệ hại hơn nữa. Đã hứa nguyện thì tụi mình phải đi. Nào, nói nghiêm túc nhé, tụi mình hãy lên đường thôi.

II

Ê-li-sê thuyết phục được bạn thân. Buổi sáng, sau khi suy đi tính lại, Ê-phim tới gặp Ê-li-sê. Ông nói:

- Ông đúng rồi. Bọn mình hãy đi. Sống chết đều trong tay Thiên Chúa. Bọn mình phải lên đường lúc này, khi mình còn sống và khỏe mạnh.

Một tuần sau hai ông lão sẵn sàng khởi hành. Ê-phim có

đủ tiền ngay. Ông để lại cho vợ hai trăm rúp, mang theo người một trăm.

Ê-li-sê cũng sẵn sàng rồi. Ông bán cho hàng xóm mười tổ ong, dù nó có thể sinh sôi thành nhiều tổ khác trước lúc hè sang. Ông kiếm được bảy mươi rúp; ba chục còn thiếu thì gom góp từ trong nhà. Bà vợ tặng chồng hết món tiền dành dụm cho hậu sự của bà; con dâu cũng biếu bố chồng trọn số tiền chị có.

Ê-phim dặn dò ông con cả mọi thứ: Cắt cỏ lúc nào và cắt thế nào; trừ phân chuồng chỗ nào; dỡ mái và lợp lại nhà ra sao. Ông nghĩ tới đủ thứ và căn dặn đủ thứ. Ngược lại, Ê-li-sê chỉ giải thích cho vợ biết rằng các tổ ong đã bán thì phải để riêng ra một chỗ, và phải đảm bảo ông hàng xóm sẽ nhận đủ số, chớ có mưu mẹo gì cả. Còn việc nhà, ông chẳng màng nói tới. Ông bảo hai mẹ con:

- Mẹ con bà sẽ thấy việc gì cần làm và làm ra sao một khi nhu cầu phát sinh. Mẹ con bà làm chủ cái nhà này và sẽ biết cách làm gì tốt nhất cho mình.

Thế là hai ông lão đã sẵn sàng. Người nhà nướng bánh, làm túi, cắt vải bố may vớ cho hai kẻ lữ hành. Hai ông lão xỏ giày da mới, lại mang theo phòng hồ đôi giày bện bằng vỏ cây. Hai gia đình tiễn chân đến đầu làng và rồi chia tay. Hai ông lão bắt đầu chuyến hành hương.

Ê-li-sê rời nhà trong tâm trạng vui vẻ, và ngay khi vừa ra khỏi làng thì ông đã quên hết việc nhà việc cửa. Mỗi bận tâm duy nhất của ông là làm sao cho bạn đồng hành hài lòng, làm sao khỏi buột mồm thô lỗ với bất kỳ ai, làm sao đi tới nơi và quay trở về nhà bình an, yêu thương. Đi đường, Ê-li-sê

thường lâm râm đọc kinh hay ôn lại trong đầu hành trạng các Thánh ông nhớ được. Tình cờ gặp bất cứ ai dọc đường hay tìm chỗ ngủ bất kỳ nơi nào trong đêm, ông đều cố cư xử mềm mỏng và thốt lời thánh thiện. Thế là ông tiến bước, hân hoan. Việc duy nhất ông không thể làm là dứt bỏ thói quen hít bột thuốc lá. Dù đã để lại hộp bột thuốc ở nhà, ông cứ nhớ cứ thèm. Rồi một người gặp dọc đường tặng ông một ít bột; thỉnh thoảng ông lại chậm bước đi thụt về phía sau (để bạn đồng hành khỏi bị cám dỗ) và bốc lấy một giúm bột.

Ê-phim cũng vững chân tiến bước; chẳng làm gì sai và không nói lời chi vô ích, nhưng lòng ông đâu được thanh thản. Những bận tâm về việc nhà triu triu tâm tư, ông cứ lo âu không biết ở nhà đang xảy ra chuyện gì. Ông có quên dặn con trai điều này điều kia không? Con trai ông làm các việc có đúng không? Dọc đường nếu tình cờ nhìn thấy khoai tây người ta trồng, hay bắt gặp xe chở phân chuồng, ông tự hỏi liệu con mình có làm như lời cha bảo. Và ông cơ hồ muốn quay trở về để chỉ dẫn con mình làm việc này việc nọ, hoặc thậm chí là đích thân ông làm.

III

Đi được năm tuần, hai đôi giày tự làm bằng vỏ cây đều toi tả, hai ông lão phải mua giày mới khi đặt chân tới Tiểu Nga.⁽²⁾

⁽²⁾ Tiểu Nga (*Little Russia*) nằm về tây nam nước Nga, bao gồm chánh quyền của Kiev, Poltava, Tchernigof, một phần Kharkof, và

Từ hôm rời khỏi nhà hai ông đã phải tốn tiền ăn và thuê chỗ ngủ, nhưng lúc tới Tiểu Nga thì được người dân tranh nhau mời hai ông ghé nhà họ, đãi ăn đãi uống chẳng lấy một xu; mà hơn thế nữa, họ còn cho bánh mì, bánh ngọt vào túi để hai ông ăn dọc đường.

Nhờ vậy hai ông lão đi thêm chừng năm trăm dặm⁽³⁾ mà khỏi tốn tiền, nhưng khi băng qua tỉnh giáp ranh, hai ông tới một huyện mùa màng thất bát. Nông dân vẫn cho cả hai tá túc qua đêm khỏi trả tiền, nhưng không còn đãi ăn miễn phí. Thậm chí đôi khi không tìm ra bánh mì, hai ông đề nghị họ bán lại, nhưng nào có đâu mà mua với bán. Dân chúng nói năm ngoái mùa màng hoàn toàn mất trắng. Mấy nhà giàu đều suy sụp và phải bán hết những gì họ có. Những kẻ trung lưu thì cơ cực, khổn cùng. Đám dân nghèo lang thang xin ăn, hoặc quá đói đành chết rũ trong nhà.

Một tối kia hai ông lão dừng bước ở ngôi làng nhỏ; họ mua bánh mì, ngủ lại, và lên đường trước bình minh để đi được khỏe trước khi nắng nóng. Đi chừng tám dặm,⁽⁴⁾ gặp dòng suối, cả hai bèn ngồi xuống lấy chén múc nước, nhúng bánh mì vào mà ăn. Xong xuôi họ thay vớ và nghỉ ngơi một lúc. Ê-li-sê moi hộp bột thuốc lá ra. Nhìn bạn, Ê-phim lắc đầu. Ông hỏi:

- Sao ông không bỏ được tật xấu nhỉ?

Ê-li-sê phẩy tay, nói:



Hai ông lão dọc đường hành hương.

Kherson. Sau năm 1917, địa danh Tiểu Nga không còn dùng.

⁽³⁾ Khoảng tám trăm cây số.

⁽⁴⁾ Khoảng mười ba cây số.

- Thói hư tật xấu mạnh hơn tôi.

Lát sau họ nhóm dậy đi tiếp. Sau khi bước thêm gần tám dặm,⁽⁵⁾ hai ông tới một làng lớn và đi xuyên qua làng. Nắng đã nóng, Ê-li-sê mệt nhoài, muốn nghỉ chân và uống nước nhưng Ê-phim không dừng lại. Ê-phim đi khỏe hơn bạn và Ê-li-sê thấy khó lòng theo kịp. Ông nói:

- Ước gì được uống một chút.

Ê-phim nói:

- Uống nước hả? Tôi không cần đâu.

Ê-li-sê dừng bước. Ông nói:

- Ông cứ đi tiếp, còn tôi sẽ chạy ù tới cái nhà nhỏ nhỏ đằng kia. Tôi sẽ sớm bắt kịp ông mà.

Ê-phim đồng ý và một mình bước tiếp trên đường làng trong lúc Ê-li-sê quay lại nhà kia.

Đó là cái nhà nhỏ trát đất sét đã bong vỡ nhiều chỗ, dưới chân tường sẫm màu, phía trên quét vôi trắng. Rõ ràng lâu rồi chủ nhà không trát đất lại, và một bên mái rơm thì trống hoác. Lối vào nhà băng qua mảnh sân. Ê-li-sê bước vào sân, bắt gặp nằm trên thềm đất bao quanh nhà là một người gầy gò ốm đói, không râu, vạt áo nhét vào trong quần theo phong tục Tiểu Nga.⁽⁶⁾ Ông này hẳn đã nằm trong bóng râm, nhưng rồi mặt trời lên cao và lúc này nắng đang chiếu thẳng vào người. Tuy không ngủ, ông cứ nằm ì ra đó. Ê-li-sê lên tiếng hỏi xin miếng nước, nhưng ông ta làm thinh.

⁽⁵⁾ Non mươi ba cây số.

⁽⁶⁾ Nông dân Nga những nơi khác bỏ vạt áo phủ ra ngoài quần.

Ê-li-sê nghĩ: “Ông này hoặc là bệnh hoặc là không thân thiện.”

Đi tới cửa, ông nghe trong nhà có tiếng trẻ con khóc. Cầm cái vòng dùng làm tay nắm, ông lấy nó đập đập vào cánh cửa, và lên tiếng:

- Này, chủ nhà ơi!

Không ai đáp lại. Ông lấy đầu gậy gõ gõ vào cửa.

- Này, quý Ki-tô hữu!

Chẳng động đậy chi hết.

- Này, các tôi tớ của Thiên Chúa!

Vẫn không ai trả lời.

Ê-li-sê chực quay đi thì nghe tiếng rên rĩ phía sau cánh cửa.

- Cha chả! Trong nhà này gặp phải bất hạnh gì ư? Tốt hơn mình hãy ghé mắt xem thử.

Và Ê-li-sê bước vào.

IV

Ê-li-sê xoay cái vòng; cửa không đóng. Ông mở cửa và bước theo lối đi hẹp. Cửa phòng để mở. Bên trái là bếp gạch. Một cái giá có tượng thờ đặt giữa cái bàn và vách tường. Có bà lão đầu trọc lóc, mặc áo đơn ngồi trên băng ghế cạnh cái

bàn, gục đầu lên bàn; kế bên là thằng bé gầy gò, xanh xao, bụng ồng. Nó đang xin chi đó, cứ giật giật tay áo bà, và khóc tức tưởi.

Ê-li-sê bước vào. Trong phòng hơi hám. Nhìn quanh, ông thấy phía sau bếp gạch một phụ nữ nằm bẹp trên sàn, hai mắt nhắm nghiền, cổ họng kêu khò khè; lúc thì chị duỗi một chân, lúc thì gập nó lại, hết lần qua bên này lại lộn qua bên kia. Mùi hơi hám bốc ra từ người chị. Rõ ràng chị không thể tự săn sóc bản thân và không có ai giúp đỡ.

Ngẩng đầu lên thấy người lạ, bà lão hỏi:

- Ông cần gì? Ông cần gì hở? Chúng tôi chẳng có gì đâu.

Dù bà lão nói giọng Tiểu Nga, Ê-li-sê vẫn hiểu được. Ông nói:

- Thưa tôi tớ của Thiên Chúa, tôi tới xin miếng nước.

- Không có ai. Không có ai. Chúng tôi không có cái gì để lấy nước. Ông đi đi.

Ê-li-sê hỏi thăm:

- Trong nhà không còn ai khỏe để chăm sóc chị này à?

- Không ai hết. Con trai tôi chờ chết ngoài kia, còn chúng tôi chờ chết trong này.

Thằng bé con đã nín khóc khi thấy người lạ, nhưng lúc bà lão mở miệng nói chuyện thì nó lại khóc, vừa bấu chặt tay áo bà cụ vừa gào:

- Nội ơi, bánh mì, bánh mì.

Ê-li-sê định hỏi bà lão thì người đàn ông loạng choạng

bước vào. Anh ta lần dò theo lối đi, tay vịn vào vách, nhưng sắp bước vô phòng thì ngã khụy xuống gần ngưỡng cửa. Không màng gượng dậy để tới cái băng ghế, anh bắt đầu nói, giọng đứt quãng; hể thốt ra được một tiếng thì ngưng lại lấy hơi và thở hổn hển.

- Chúng tôi bị bệnh... và đói. Thằng nhỏ sắp... chết đói.

Anh trở thằng bé và bắt đầu thốn thức.

Ê-li-sê xóc ngược cái túi đeo sau lưng, tuột hai quai ra khỏi cánh tay, và đặt túi lên sàn. Rồi ông xách nó đặt lên trên băng ghế, tháo mấy sợi dây cột miệng túi. Mòi ra một ổ bánh mì, ông dùng dao mang theo cắt một miếng đưa cho người đàn ông. Anh ta chẳng cầm mà chỉ vào thằng bé và đứa con gái nhỏ đang co mình phía sau bếp gạch, như muốn nói: "Đưa cho chúng nó."

Ê-li-sê chìa bánh cho thằng bé. Người thấy mùi thơm, nó vươn hai cánh tay chộp lấy bằng cả mười ngón bé nhỏ, và cắn liền một miếng lớn đến nỗi đầu mũi ngập luôn trong lát bánh. Từ phía sau bếp gạch, bé gái bước ra và nhìn chòng chọc miếng bánh mì. Ê-li-sê cũng cho nó một lát. Xong ông cắt thêm miếng khác và đưa cho bà lão, và bà bắt đầu nhai trệu trạo. Bà nói:

- Giá mà múc được chút nước. Mồm miệng chúng tôi khô nẻ cả rồi. Không nhớ là hôm qua hay bữa nay, tôi rán đi lấy nước, nhưng té quỵ và không đi thêm nổi. Cái xô vẫn còn ngoài kia trừ phi ai đó đã lấy mất.

Ê-li-sê hỏi xem giếng ở đâu. Bà lão chỉ lối. Ê-li-sê đi ra, tìm thấy cái xô, mang về được ít nước, và cho mọi người uống.

Hai đứa trẻ và bà lão ăn thêm bánh mì kèm với nước, nhưng người đàn ông không chịu ăn. Anh nói:

- Tôi không ăn được.

Suốt thời gian ấy mặc dù không tỏ ra chút gì là còn tỉnh táo, người đàn bà cứ trở mình lặn qua lặn lại. Bấy giờ Ê-li-sê đi tới cửa tiệm trong làng mua một ít hạt kê, muối, bột mì, và dầu ăn. Ông tìm thấy cái rìu, chẻ ít củi, và nhóm lửa. Bé gái đi tới phụ giúp ông. Sau đó ông nấu ít xúp, và cho mấy người đang đói rã này một bữa ăn.

V

Người đàn ông ăn một chút, bà lão cũng vậy. Hai đứa bé liếm láp cái tô sạch sẽ, rồi nằm cuộn mình ôm nhau ngủ.

Người đàn ông và bà lão bắt đầu kể cho Ê-li-sê nghe hết ngọn ngành vì sao họ sa vào cảnh huống này. Họ nói:

- Chúng con vốn nghèo sẵn rồi. Khi mất mùa, những gì quơ quào được không đủ cầm cự qua mùa thu. Lúc đông sang thì trong nhà chẳng còn miếng gì, phải đi xin ăn bên hàng xóm và xin bất cứ ai. Ban đầu người ta còn cho, rồi họ bắt đầu từ chối. Có người cũng muốn giúp chúng con chớ, nhưng họ chẳng có gì mà bố thí. Chúng con xấu hổ phải xin ăn, và mắc nợ khắp làng: nợ tiền, nợ bột, nợ bánh mì.

Người đàn ông kể tiếp:

- Con đi tìm việc, nhưng hoài công. Ở đâu cũng có người

xin việc chỉ để đổi lấy miếng ăn. Bữa nay kiếm được chút việc mọn thì hai ngày sau phải tìm việc khác. Thế rồi mẹ con và con bé dắt díu nhau đi xin ăn. Nhưng hai bà cháu xin được rất ít; bánh mì quá chùng khan hiếm. Mặc dù vậy chúng con vẫn cào cấu được chút thức ăn, và hy vọng có thể lây lất cho tới vụ mùa sau. Nhưng gần sang xuân người ta không còn bố thí tí gì nữa. Chúng con ngã bệnh. Mọi chuyện càng lúc càng tệ hơn. Ngày kia chúng con chẳng có gì bỏ vào miệng, và nhịn đói luôn hai ngày nữa. Chúng con bắt đầu gặm cỏ. Chẳng biết tại cỏ hay cái gì đã làm vợ con bệnh, không nhắc nổi hai chân, còn con không đủ sức ra khỏi nhà, mà chẳng có thứ gì giúp chúng con hồi phục.

Bà cụ nói:

- Một mình tôi xoay sở được ít lâu nhưng rốt cuộc cũng phải sụn xuống vì đói và kiệt sức. Cháu gái cũng đuối và nhút nhát. Tôi sai nó qua nhà hàng xóm nhưng nó không chịu đi mà lại lủi vào một xó và ngồi đó. Hôm kia có chị hàng xóm ghé mắt nhìn vào, thấy chúng tôi đau yếu, đói khát thì quay ra, bỏ mặc chúng tôi. Chồng chị ta đã phải lìa xa nhà mà chị chẳng có miếng gì nuôi lũ con lít nhít. Thế là chúng tôi nằm chịu trận, chờ chết.

Nghe kể rõ ngọn ngành, Ê-li-sê bỏ ý định hôm đó sẽ đuổi theo bạn già đồng hành, và ông ở lại với họ một đêm. Buổi sáng ông thức dậy và bắt tay làm việc nhà, cứ như thể đây là nhà mình. Ông nhồi bột làm bánh mì có bà lão giúp, và nhóm lửa. Xong rồi ông cùng bé gái qua hàng xóm kiếm mấy món cần dùng, vì trong nhà họ chẳng còn gì, kể cả xoong nồi, quần áo... – mọi thứ đều đã bán hết để mua bánh mì. Thế là Ê-li-sê tìm cách bổ sung mấy món đồ cần thiết; có cái ông phải tự

tạo ra, hoặc đi mua. Ông ở lại đó một ngày, thêm ngày nữa, rồi qua ngày thứ ba. Thằng bé con đã khỏe lại, và mỗi khi Ê-li-sê ngồi xuống, nó bò theo băng ghế mà nép vào lòng ông. Cháu gái mặt mũi tươi lên, đỡ dần Ê-li-sê mọi việc, và cứ bám theo chân ông.

Bà lão khỏe lại và rón bước qua thăm hàng xóm. Người đàn ông cũng khá hơn, có thể bám vào tường mà bước loanh quanh. Vợ anh ta chưa ngồi dậy được, nhưng sang ngày thứ ba chị đã tỉnh táo và đòi ăn.

Ê-li-sê nghĩ: “Chà, mình đâu bao giờ ngờ phải mất ngần ấy thời gian như vậy. Tới lúc phải lên đường rồi.”

VI

Ngày thứ tư là ngày lễ, phải ăn chay và kiêng thịt, Ê-li-sê nghĩ: “Mình sẽ nán lại với họ cho qua ngày lễ này. Mình sẽ đi mua mấy món để ăn chung với họ, và tối mai mình sẽ lên đường.”

Thế là Ê-li-sê vào làng mua sữa, bột mì, mỡ và giúp bà lão nấu nướng sẵn cho ngày hôm sau. Vào ngày lễ Ê-li-sê đi nhà thờ và rồi cùng ăn chay với những bạn mới của mình dưới mái nhà đó. Hôm ấy, người vợ ngồi dậy được và có thể xê dịch một chút. Người chồng cạo râu và mặc cái áo sơ mi bà cụ đã giặt sạch giùm anh, rồi tới nhà một phú nông trong làng, van xin kẻ giàu có này rủ lòng thương xót để anh được canh tác trên cánh đồng cho tới sau vụ mùa. Buổi tối anh rầu

rĩ trở về và khóc. Không chút từ tâm, gã phú nông nói: “Hãy đưa tiền đây.”

Ê-li-sê trở nên trầm ngâm, ngẫm nghĩ: “Giờ đây họ sống bằng cách nào nhỉ? Những người khác sẽ đi cắt cỏ, còn họ chẳng có gì mà cắt, vì mảnh đồng cỏ của họ đã đem cầm cố mất rồi. Lúa mạch sẽ chín, người khác sẽ gặt, còn nhà này nào có chi mà trông với ngóng. Ba mẫu ruộng của họ đã gán cho tay phú nông kia để trừ nợ. Mình rời khỏi rồi thì họ lại trầm luân trong cảnh khổ như mình đã mục kích mấy bữa trước.”

Ê-li-sê phân vân nhưng cuối cùng quyết định tối đó chưa rời đi mà chờ tới hôm sau. Ông ra sân ngủ. Đọc kinh xong, ông nằm xuống, nhưng không dễ giấc được. Một đặng ông biết mình nên cất bước lên đường, vì đã tốn quá nhiều thời gian và tiền bạc; một đặng ông cảm thấy xót xa cho những người này.

Ông tự nhủ: “Có vẻ chuyện này chưa dừng lại. Thoạt đầu mình chỉ toan mang giúp họ ít nước và cho mỗi người một lát bánh mì. Bây giờ thì đi đến tình cảnh này. Mình sẽ chuộc lại đồng cỏ và ruộng bắp. Chuộc xong thì sẽ phải mua cho họ con bò sữa, tậu ngựa kéo xe cho người chồng có cái mà chuyên với chở. Người sa đà quá sâu vào chuyện này rồi đó, Ê-li-sê ơi!”

Ê-li-sê choàng dậy, cầm lên cái áo khoác mà ông đã xếp lại làm gối kê đầu. Giở áo ra, moi lấy hộp thuốc lá và bốc một nhúm đưa lên mũi hít, ông nghĩ rằng có lẽ nó sẽ giúp đầu óc suy nghĩ thông suốt.

Nhưng không! Ông cứ suy tới nghĩ lui mà không sao dứt

khoát được. Ông muốn lên đường, nhưng tấm lòng lân mẫn níu ông kéo lại. Ông không biết phải làm gì nữa. Xếp lại áo khoác và kê dưới đầu làm gối như trước, ông nằm hồi lâu, cho tới khi gà gáy lần thứ nhất. Rồi ông buồn ngủ, thần trí lơ mơ. Đột nhiên dường như có ai lay ông thức giấc. Ông thấy mình đã mặc quần áo sẵn sàng lên đường, túi trên lưng và gậy trong tay. Cánh cổng khép hờ và ông chỉ việc lách người qua. Ông sắp sửa bước ra đường thì cái túi trên lưng vướng vào bên này hàng rào. Ông cố gỡ cái túi thì miếng vải bố quần chân làm vớ lại vướng vào bên kia hàng rào và tuột ra. Ông giật giật cái túi thì thấy nó không vướng vào hàng rào mà là bé gái đang níu giữ nó và khóc lóc, đòi bánh mì.

Ông nhìn xuống chân, thấy thằng bé con đang nắm lấy miếng vải bố quần chân ông còn cha và bà nó đang nhìn ông từ phía sau cửa sổ.

Ê-li-sê tỉnh ngủ, và tự nhủ với mình mà nói ra thành tiếng:

- Mai ta sẽ chuộc lại ruộng bắp, mua cho họ con ngựa và bột mì để họ sống sót tới vụ mùa sau, rồi tậu thêm con bò cho hai đứa trẻ có sữa uống; bằng không, trong lúc ta đi tìm Chúa bên kia biển thì ta lại đánh mất Chúa trong chính bản thân ta.

Rồi Ê-li-sê ngủ thiếp đi, thẳng giấc cho tới sáng. Ông thức sớm, đi tới nhà phú nông để chuộc lại ruộng bắp và mảnh đồng cỏ. Ông mua lưỡi hái cắt cỏ để thay cho cái đã bán đi và mang về. Ông bảo người chồng đi cắt cỏ, còn ông thì vào làng. Nghe nói ở quán rượu có rao bán con ngựa và xe, ông tới mặc cả với người chủ và mua cả xe lẫn ngựa. Sau đó ông mua một bao bột mì, bỏ lên xe rồi đi tìm mua một con bò. Dọc

đường ông bắt gặp hai bà vừa đi vừa buôn chuyện. Dù họ dùng phương ngữ Tiểu Nga, ông vẫn hiểu được.

- Họ không biết ông ta, tưởng đâu chỉ là một người bình thường. Ông ta ghé vô nhà họ xin miếng nước uống, và rồi nán lại. Chà chà, cứ nghĩ tới những thứ ông ta đã mua cho họ! Người ta nói ông còn mua cho họ cả một con ngựa kèm theo cái xe ở chỗ quán rượu, mà chỉ mới sáng nay thôi á! Trên đời này đâu có nhiều người như thế. Cũng bố công cho mình tới đó xem mặt ông ta.

Ê-li-sê nghe và hiểu họ đang tán tụng mình, và ông không đi mua bò nữa mà quay lại quán rượu trả tiền, buộc con ngựa vào hai càng xe, rồi đánh xe về nhà kia, bước xuống. Mấy người trong nhà sững sốt khi thấy con ngựa, nghĩ rằng ắt là dành cho mình, nhưng không dám hỏi. Người chồng đi ra mở cổng. Anh hỏi:

- Cụ ơi, cụ kiếm đâu ra con ngựa thế?

Ê-li-sê đáp:

- Tôi mua đấy. Rẻ thôi mà. Hãy đi cắt một ít cỏ bỏ vào máng để tối nay nó ăn. Và vác luôn cái bao này vô nhà.

Anh ta tháo càng xe ra khỏi con ngựa, mang bao bột vào trong kho, rồi đi cắt ít cỏ bỏ vô máng. Mọi người trong nhà nằm xuống ngủ, còn Ê-li-sê đi ra ngoài nằm cạnh lề đường. Tối đó ông mang theo cái túi của mình. Khi mọi người trong nhà ngủ say, ông choàng dậy, cột chặt cái túi, quần vải bố vào hai ống chân làm vớ, xỏ giày và choàng áo khoác lên người, rồi cất bước đuổi theo Ê-phim.

VII

Khi Ê-li-sê cuộc bộ được hơn ba dặm ⁽⁷⁾ thì trời hửng sáng. Ông ngồi xuống bên dưới một tàn cây, mở túi ra đếm tiền, thấy chỉ còn sót lại mười bảy rúp và hai mươi cô-péc. Ông ngẫm nghĩ: “Chà, vượt biển với ngần này tiền thì không xong rồi. Nếu xin đi nhờ thì còn tệ hơn là không đi. Ông bạn Ê-phim sẽ tới Giê-ru-sa-lem không có mình, và sẽ thay mặt mình dâng cúng một cây nến trong đền thờ. Phần mình, e rằng sẽ chẳng bao giờ hoàn thành lời hứa nguyện trong đời.”

Ê-li-sê đứng lên, quàng gọn cái túi lên vai và quày trở lại. Không muốn bất kỳ ai nhận ra mình, ông đánh một đường vòng để tránh ngôi làng nọ, và nhanh chân rảo bước. Hồi rồi nhà ra đi, đường sá với ông dường như chẳng dễ, và ông thấy khó lòng theo kịp Ê-phim. Nhưng bây giờ trên đường trở về, Thiên Chúa giúp ông vượt qua bao quãng đường hầu như không mệt nhọc. Ông bước đi như trẻ con vui chơi, vung vẩy cây gậy, và mỗi ngày băng qua từ bốn mươi tới năm mươi dặm.⁽⁸⁾

Khi Ê-li-sê đặt chân vào nhà thì vụ mùa đã xong. Mọi người vui mừng gặp lại ông và ai nấy đều muốn biết chuyện gì đã xảy ra: Tại sao ông bị tụt lại phía sau và sự tình thế nào? Lý do gì khiến ông quay về mà không tới Giê-ru-sa-lem?

⁽⁷⁾ Khoảng năm cây số.

⁽⁸⁾ Chừng sáu mươi tới tám mươi cây số.

Nhưng Ê-li-sê chẳng nói thật cho họ biết. Ông bảo:

- Ý Thiên Chúa là tôi chưa nên tới đó. Dọc đường tôi đánh mất tiền và tụt lại phía sau bạn đồng hành. Lạy Chúa, xin tha lỗi cho con.

Ê-li-sê trao cho vợ chỗ tiền còn sót lại. Rồi ông hỏi han chuyện nhà. Mọi thứ đều suôn sẻ; các công việc đều đầu vào đó, chẳng có gì bị bỏ sót, và mọi người sống an ổn, thuận hòa.

Cùng ngày ấy khi nghe tin ông trở về, gia đình Ê-phim ghé thăm để hỏi tin tức ông lão nhà họ. Ê-li-sê trả lời y như đã nói với gia đình mình.

- Ê-phim cuộc bộ nhanh lắm. Chúng tôi tách nhau ra trước ngày lễ Thánh Phê-rô ba hôm, và tôi định sẽ đuổi theo kịp ổng, nhưng đủ thứ chuyện xảy ra. Tôi đánh mất tiền và không có cách gì đi xa thêm, thế nên tôi quay về.

Mọi người đều sửng sốt vì một người tinh tường như Ê-li-sê lại hành động dại dột đến thế. Ông đã lên đường mà đi không tới đích, và lẽ ra không nên phung phí hết tất cả tiền bạc. Họ thắc mắc chuyện của ông một lúc rồi quên hết, và Ê-li-sê cũng quên luôn. Ông bắt tay làm việc nhà trở lại. Được con trai giúp, ông chẻ củi để dành đốt trong mùa đông. Ông và mấy người phụ nữ trong nhà ngồi lãi bắp. Rồi ông sửa mái lá lợp các chuồng và kho, che lại các tổ ong, đem giao hàng xóm mười tổ ong lúc vào xuân đã thuận bán kèm thêm tất cả mấy đàn ong đã sinh sôi từ mười tổ đó. Vợ ông giấu, không nói rõ đàn ong đã sinh sôi thêm bao nhiêu, nhưng Ê-li-sê thừa biết tổ nào nảy nở và tổ nào không sinh sản thêm. Thế nên, thay vì giao hàng xóm mười, ông đưa luôn mười bảy tổ. Chuẩn bị xong mọi việc cho mùa đông, Ê-li-sê sai con trai đi

tìm việc, còn ông bện vỏ cây làm giày, và khoét các bọng cây làm thêm tổ cho lũ ong.

VIII

Trong lúc Ê-li-sê dừng lại phía sau và vào trong căn nhà có những người bệnh, suốt ngày hôm ấy Ê-phim cứ ngóng đợi bạn. Ông chỉ đi một đoạn ngắn rồi ngồi xuống. Ông hết chờ lại đợi, đánh một giấc ngủ trưa, thức dậy, rồi lại ngồi đợi; nhưng bạn đường không tới. Ông chong mắt nhìn cho tới khi nhúc cả hai mắt. Mặt trời đã khuất sau một tàn cây mà Ê-li-sê vẫn bật dạng.

Ê-phim nghĩ: “Có lẽ ông ấy đã vượt lên phía trước rồi, hay có thể ai đó cho ông quá giang và xe đã đi ngang qua đây lúc mình còn ngủ và ông không nhìn thấy mình. Nhưng sao lại không thấy mình được chứ? Trên thảo nguyên thì trông xa thấy rõ kia mà. Mình quay lại ư? Giả dụ ông đang ở phía trước thì cả hai sẽ chẳng gặp lại nhau và như thế lại càng tệ hơn. Tốt hơn là cứ đi tới và chắc chắn mình sẽ giáp mặt ông ở chỗ trọ qua đêm.”

Ê-phim đi tới một làng và dặn trượng tuần nếu có ông lão vóc dáng như thế, như thế xuất hiện, thì hãy đưa lão tới chỗ Ê-phim dừng chân. Nhưng đêm đó Ê-li-sê không lộ diện. Ê-phim tiếp tục cất bước, hỏi thăm tất cả mọi người gặp dọc đường xem họ có thấy một lão già nhỏ thó, hói đầu hay không. Chẳng ai thấy kẻ lữ hành nào như thế. Ê-phim phân

vân, nhưng cứ tiếp tục độc hành. Ông nhủ thầm: “Chắc chắn mình và ông sẽ gặp nhau ở Ô-đét-xa (*Odessa*),⁽⁹⁾ hay là trên tàu.” Thế là ông không còn thấy phiền phức nữa.

Dọc đường ông bắt gặp một khách hành hương khoác áo choàng thầy tu, đầu tóc dài và đội mũ sọ. Người này đã đến núi A-thơ (*Athos*)⁽¹⁰⁾ và giờ đây đang tới Giê-ru-sa-lem hành hương lần thứ hai. Một tối nọ cả hai dừng chân cùng một chỗ, và rồi cùng nhau đồng hành.

Hai người tới Ô-đét-xa bình an, và phải chờ tại cảng ba ngày mới có tàu. Nhiều khách hành hương từ các nơi khác nhau tụ về đó cùng chung cảnh ngộ. Lần nữa, Ê-phim lại dò hỏi về Ê-li-sê, nhưng chẳng ai gặp ông bạn của lão.

Ê-phim tốn mất năm rúp để có một giấy thông hành cho người nước ngoài. Ông trả bốn mươi rúp mua vé khứ hồi đi Giê-ru-sa-lem, và mua bánh mì cùng cá trích cù bị cho chuyến hải hành.

Người bạn hành hương kia bèn bày cho Ê-phim cách lên tàu khỏi trả tiền mua vé, nhưng Ê-phim chẳng chịu nghe. Ông nói:

- Ấy chớ, tôi mua vé được mà, và tôi sẽ trả tiền vé.

Con tàu đã chất xong hàng hóa, những khách hành hương

⁽⁹⁾ Thành phố cảng của U-crai-na (*Ukraine*) nằm trên bờ tây bắc của Hắc Hải.

⁽¹⁰⁾ Ở đông bắc Hy Lạp, cũng gọi núi Thánh (*Holy Mountain*), núi này là một trung tâm quan trọng của các ẩn sĩ sống đời đan tu trong các đan viện thuộc Chính Thống Giáo phương Đông (*Eastern Orthodox monasticism*).

bước lên tàu, trong số đó có Ê-phim và người bạn đường mới quen. Các mỏ neo được kéo lên, và con tàu hướng ra khơi.

Cả ngày tàu lướt đi êm ái, nhưng về đêm trận gió nổi lên, cơn mưa ập xuống, con tàu chòng chành và nước biển tràn vào. Mọi người sợ hãi: Đám đàn bà rên rỉ, la hét; vài gã đàn ông nhát gan chạy nhốn nháo tìm chỗ trú ẩn. Ê-phim cũng kinh hãi nhưng không để lộ ra, và cứ ở yên một chỗ đã chọn ngay từ lúc vừa bước lên tàu, ngồi bên cạnh mấy ông lão là thị dân Tam-bóp (*Tambóf*).⁽¹¹⁾ Họ ngồi đó, lặng im cả đêm và suốt ngày hôm sau, giữ chặt túi xách. Sang ngày thứ ba trời yên biển lặng và qua ngày thứ năm tàu thả neo ở cảng Công-tăng-ti-nốp (*Constantinople*).⁽¹²⁾ Một nhóm khách hành hương lên bờ viếng nhà thờ Thánh Xô-phi-a (*Sophia*). Ê-phim vẫn không rời tàu, và chỉ mua ít bánh mì trắng. Tàu neo lại cảng hai mươi bốn giờ rồi lại ra khơi. Tàu lại dừng tại Xi-miéc-na (*Smyrna*),⁽¹³⁾ rồi cập cảng A-lê-xan-ri-a (*Alexandria*),⁽¹⁴⁾ sau cùng tới được Giáp-pha (*Jaffa*)⁽¹⁵⁾ an lành và tất cả khách hành hương đều lên bờ. Từ đây hãy còn hơn bốn mươi dặm Anh⁽¹⁶⁾ đường bộ mới tới Giê-ru-sa-lem.

⁽¹¹⁾ Thành phố này cách Mạc Tư Khoa khoảng 418 cây số về hướng nam đông nam.

⁽¹²⁾ Nay gọi Istanbul, là thành phố cảng lớn nhất của Thổ Nhĩ Kỳ.

⁽¹³⁾ Thành phố cảng của Hy Lạp, nằm tại vị trí chiến lược trên bờ biển Aegean của Anatolia (cũng gọi Tiểu Á, *Minor Asia*). Ngày nay thành phố cảng này tên là Izmir, thuộc Thổ Nhĩ Kỳ.

⁽¹⁴⁾ Thành phố cảng trên bờ biển phía bắc Ai Cập.

⁽¹⁵⁾ Cũng gọi Gia-phô (*Japho, Yafo*), là thành phố cảng đưa hàng hóa tới Giê-ru-sa-lem.

⁽¹⁶⁾ Khoảng sáu mươi bốn cây số.

Trong khi lên bờ mọi người lại một phen hết hồn hoảng vía. Tàu thì cao và họ được thả xuống các thuyền con quá đổi chòng chành khiến họ dễ hụt chân lọt xuống biển. Có mấy ông bị ướt nhem nhưng rất cuộc tất cả đều an ổn đặt chân lên cảng.

Họ cuốc bộ và giữa trưa ngày thứ ba thì tới Giê-ru-sa-lem. Họ dừng chân bên ngoài thành, tại lữ quán một người Nga, và thông hành của họ được chứng thực tại đó. Sau khi ăn tối, Ê-phim cùng bạn đồng hành viếng nhiều nơi trong Đất Thánh. Vì không nhằm đúng giờ được phép vào viếng mộ Chúa nên họ đến viếng Tòa Thượng Phụ.⁽¹⁷⁾ Tất cả những người hành hương đều tụ họp ở đó. Phụ nữ và đàn ông được tách riêng ra. Mọi người được hướng dẫn ngồi thành vòng tròn, để chân trần. Rồi một thầy tu cầm khăn bước đến rửa chân, lau khô, và hôn chân từng người trong vòng tròn ấy. Hai bàn chân Ê-phim được rửa và hôn cùng lượt những người còn lại. Ông dự suốt hết các giờ kinh chiều và kinh sáng, cúng mấy cây nến trong các đền thờ, ghi tên cha mẹ ông để họ được nhắc tới trong lời cầu nguyện. Tòa Thượng Phụ dọn cho khách hành hương thức ăn và rượu nho. Sáng hôm sau họ tới viếng gian phòng nhỏ là nơi ẩn cư sáu hồi của bà Ma-ri-a Ai Cập (*Mary of Egypt*).⁽¹⁸⁾ Ở đây họ cũng dâng

⁽¹⁷⁾ Tòa Thượng Phụ (*the Patriarchate*) là nơi ở, nơi thi hành trách nhiệm mục vụ của vị Thượng Phụ Giáo Chủ (*Patriarch*) và là trung tâm của cộng đoàn tín hữu thuộc quyền ngài chăm sóc. Tòa Thượng Phụ là hình thức phát triển đầy đủ của một Hội Thánh Công Giáo Đông Phương (*an Eastern Catholic Church*). Đây là một cộng đoàn dưới quyền Thượng Phụ Giáo Chủ, gồm các Ki-tô hữu thực hành cùng một nghi lễ và tuân giữ cùng một bộ luật.

⁽¹⁸⁾ Ma-ri-a Ai Cập (344-421) được Chính Thống Giáo tôn là Mẹ Sa

nến và nhờ người cầu nguyện. Rồi họ tới tu viện Áp-ra-ham (*Abraham*), nhìn thấy địa điểm ông Áp-ra-ham toan hiến tế con trai một.⁽¹⁹⁾ Kế đó họ thăm nơi Đức Ki-tô hiện ra trước mắt bà Ma-ri-a Mác-đa-la (*Mary Magdalene*),⁽²⁰⁾ và nhà thờ Gia-cô-bê (*James*). . . Người bạn hành hương đưa Ê-phim đến thăm tất cả các địa điểm này, và chỉ dẫn cho ông phải cúng mỗi nơi bao nhiêu tiền. Giữa trưa họ trở về lữ quán rồi ăn tối. Khi họ sắp sửa ngả lưng nằm nghỉ thì người bạn hành hương la toáng lên và bắt đầu lục lọi quần áo, sờ sờ nắn nắn từng chút một. Ông ta nói:

- Ví tiền của tôi bị trộm lấy rồi. Có hai mươi ba rúp trong đó, gồm hai tờ mười rúp và ba rúp tiền lẻ.

Ông ta thở dài và than khóc rầu rĩ nhưng chẳng ai giúp đỡ. Họ nằm xuống ngủ.

IX

Ê-phim nghĩ: “Không ai ăn cắp tiền của người hành hương này. Mình không tin ông ta có tiền. Ông chẳng đem tiền cúng

Mạc (*Desert Mother*) và cũng là Thánh Nữ. Năm mươi hai tuổi cô Ma-ri-a trốn cha mẹ tới A-lê-xan-ri-a và sống buông thả để thỏa mãn đam mê thân xác trong mười bảy năm. Sau khi tới Giê-ru-sa-lem, cô thức tỉnh và vào sa mạc ẩn cư, tu trì khổ hạnh để sám hối suốt bốn mươi bảy năm, và đắc Thánh.

⁽¹⁹⁾ *Sáng Thế* 22:1-13.

⁽²⁰⁾ *Mác-cô* 16:9.

chỗ nào hết, mà chỉ sai mình cúng tiền. Thậm chí còn mượn mình một rúp nữa chớ.”

Ý nghĩ này vừa mới nảy ra trong đầu thì Ê-phim liền quở trách bản thân: “Mình có quyền gì mà phán xét người khác? Như thế là tội lỗi. Mình sẽ không nghĩ thêm về chuyện đó nữa.” Nhưng ngay khi đầu óc bắt đầu suy nghĩ lan man, Ê-phim lại nhớ tới người hành hương kia: “Ông ta dường như chú ý tới tiền lắm thế! Không chắc là ví ống bị mất cắp như ông nói đâu.”

Ê-phim nghĩ: “Ông chẳng hề có tiền. Tất cả là bịa đặt thôi.”

Đến tối họ nhóm dậy và đi dự thánh lễ khuya tại nhà thờ Phục Sinh,⁽²¹⁾ nơi có mộ Chúa. Người bạn hành hương cứ bám sát Ê-phim và đeo dính ông khắp mọi nơi. Họ tới giáo đường; rất đông khách hành hương đã có mặt; một số là người Nga, còn số khác là người Hy Lạp, Ác-mê-ni-a (*Armenia*), Thổ, và Xy-ri-a (*Syria*). Ê-phim theo đám đông bước vào Cổng Thánh. Một thầy tu hướng dẫn họ tới chỗ Đấng Cứu Thế được đem từ thập giá xuống và ướp dầu thơm; chỗ này có chín chân đèn lớn đang thấp nến cháy sáng. Thầy tu đưa họ đi xem khắp nơi và giảng giải cho họ biết mọi điều. Ê-phim dâng cúng một cây nến. Sau đó thầy tu đưa Ê-phim đi sang bên phải, bước lên các bậc thềm dẫn tới Đồi Sọ,

⁽²¹⁾ Nhà thờ Phục Sinh (*the Church of the Resurrection*), cũng gọi nhà thờ Mộ Thánh, nhà thờ Mộ Chúa (*the Church of the Holy Sepulchre, the Church of the Lord's Sepulchre*) tọa lạc trong khu Ki-tô (*the Christian Quarter*) của đô thị cổ Giê-ru-sa-lem (*the Old City of Jerusalem*). Nơi đây gồm ba điểm thánh thiêng: 1/ Nơi Chúa bị đóng đinh; 2/ Đồi Gôn-gô-tha (*Golgotha*) hay Đồi Sọ; 3/ Ngôi mộ trống của Chúa.

tới chỗ đã dựng thập giá. Nơi đây Ê-phim cầu nguyện. Kế đến họ được đưa xem chỗ đất nứt ra và sụt sâu xuống;⁽²²⁾ chỗ đặt thập giá để đóng đinh vào hai tay, hai chân Chúa; hòn đá Chúa đã ngồi trong khi bọn lính đội mào gai cho Chúa; cây cột bọn lính đã trói Chúa vào đó để đánh roi.⁽²³⁾ Ê-phim sắp được đưa đi xem chỗ khác thì đám đông náo động, người ta vội vàng túa về nhà thờ Mộ Chúa. Thánh lễ bằng tiếng Latinh vừa xong và bắt đầu thánh lễ bằng tiếng Nga. Ê-phim theo đám đông đi tới phần mộ được khoét vào trong đá.

Ê-phim cố gắng dứt ra khỏi kẻ đeo bám, cái người mà ông vẫn trách móc; nhưng kẻ ấy chẳng chịu rời xa mà lại theo chân ông vào dự thánh lễ trong nhà thờ Mộ Chúa. Người người đông như nêm cứng, không sao nhích tới hay thụt lui. Ê-phim đứng trước kẻ ấy, cầu nguyện và chốc chốc lại sờ nắn vào ví. Ông phân vân: Có lúc ông nghĩ kẻ ấy đang lừa gạt mình; có lúc ông nghĩ nếu kẻ ấy nói thật và ví đã bị mất cắp, thì bản thân ông có thể sẽ chịu cảnh ngộ y hệt.

X

Ê-phim đứng đó, nhìn chăm chăm vào nhà nguyện nhỏ là nơi có mộ Chúa với ba mươi sáu ngọn đèn thấp sáng bên trên. Trong khi đứng nhìn qua các đầu người, Ê-phim thấy

⁽²²⁾ Khi Đức Giê-su trút linh hồn thì “đất rung, đá vỡ” (*Mát-thêu* 27:51).

⁽²³⁾ *Mát-thêu* 27:26; *Mác-cô* 15:15; *Gio-an* 19:1.

một sự làm ông kinh ngạc. Ngay phía dưới những ngọn đèn thấp sáng lửa thiêng, và đứng trước mọi người là ông lão mặc áo khoác xám, đầu hói sáng bóng y hệt như Ê-li-sê.

Ê-phim nghĩ: “Giống bạn mình lắm, nhưng không thể là Ê-li-sê. Ông không thể tới sớm hơn mình. Con tàu rời cảng trước tàu mình đã ra khơi sớm hơn mình một tuần. Ông không thể lên được tàu đó, mà ông không có mặt trên tàu mình vì mình đã thấy mặt tất cả khách hành hương cùng đi chung chuyến.”

Ông lão vóc dáng nhỏ bé kia bắt đầu cầu nguyện, và cúi đầu ba lần: Một lần hướng về Thiên Chúa, hai lần quay sang hai bên, hướng về các người anh em. Khi ông lão quay đầu sang phải, Ê-phim nhận ra đó là ai. Đúng là lão Ê-li-sê, với bộ râu xoắn đen điểm bạc ở hai bên má, cặp chân mày, đôi mắt, cái mũi, và nét mặt. Phải, chính là lão ấy!

Ê-phim rất vui vì gặp lại bạn đồng hành, và thắc mắc không biết Ê-li-sê tới sớm hơn ông bằng cách nào.

Ông nghĩ: “Giỏi lắm, Ê-li-sê! Để xem ông làm sao chen ra trước được. Hẳn là có ai chỉ lối cho ông. Khi ra bên ngoài, mình sẽ tìm gặp ông, dứt khỏi tay đội mũ sọ, và giữ lấy Ê-li-sê. Có lẽ ông sẽ bày cách cho mình chen ra phía trước đám đông.”

Ê-phim cứ dỗi mắt nhìn để khỏi mất dạng Ê-li-sê. Nhưng vừa xong thánh lễ, đám đông bắt đầu ùn ùn đẩy, chen nhau ra phía trước để cúi hôn mộ Chúa, và Ê-phim bị xô dạt sang một bên. Ông lại sợ không khéo sẽ bị mất cắp. Lấy bàn tay ép chặt lên ví, ông bắt đầu thúc khuỷu tay chen qua đám đông, chỉ lo sao lọt được ra ngoài. Khi thoát ra chỗ trống, ông đi loanh

quanh hồi lâu tìm kiếm Ê-li-sê, cả bên trong lẫn bên ngoài nhà thờ. Trong các phòng nhỏ của nhà thờ ông gặp đủ hạng người đang ăn hay uống rượu nho, đọc kinh hay nằm ngủ, nhưng không thấy bóng dáng Ê-li-sê ở đâu hết. Thế nên Ê-phim quay về lữ quán mà thiếu bạn mình. Tối đó người khách hành hương đội mũ sọ biệt dạng. Ông ta rời đi, quyết luôn đồng rúp vay mượn, Ê-phim bị bỏ lại một mình.

Ngày hôm sau Ê-phim trở lại mộ Chúa lần nữa, cùng với ông lão người Tam-bóp đã gặp trên tàu. Ông cố chen ra phía trước nhưng lại bị đẩy lùi ra sau; thế nên ông đứng sát một bên cột mà cầu nguyện. Nhìn ra trước, ông thấy ở chỗ trang trọng nhất bên dưới các ngọn đèn, Ê-li-sê đang đứng sát mộ Chúa, hai cánh tay dang ra như một linh mục hành lễ trước bàn thờ, và cái đầu hói bạn ông ngời sáng.

Ê-phim nghĩ: “Hay a! Mình sẽ không để vuột mất lão.”

Ông nhào người ra phía trước, nhưng khi tới đó thì không có Ê-li-sê, rõ ràng lão đã bỏ đi.

Ê-phim tìm kiếm thêm ngày thứ ba và thấy tại mộ Chúa, ở chỗ thánh thiêng nhất, Ê-li-sê đang đứng trước mắt mọi người, hai cánh tay dang rộng, đôi mắt ngược lên như thể nhìn thấy điều gì bên trên. Cả cái đầu hói tỏa sáng.

Ê-phim nghĩ: “A, lần này lão nhất định chẳng thoát khỏi mình! Mình sẽ ra đứng ở cửa, và mình không thể nào bỏ lỡ một ai hết.”

Ê-phim đi ra đứng bên cửa cho tới quá Ngọ. Mọi người đều ra về cả rồi mà Ê-li-sê vẫn không ló mặt.

Ê-phim ở lại Giê-ru-sa-lem sáu tuần và đi khắp nơi: Bê-

lem (*Bethlehem*),⁽²⁴⁾ làng Bê-ta-ni-a (*Bethany*),⁽²⁵⁾ và sông Gio-đan (*Jordan*).⁽²⁶⁾ Ông kiếm được một cái áo sơ mi mới có đóng dấu tại mộ Chúa để dành cho việc an táng ông sau này, và lấy một chai đựng nước sông Gio-đan, một ít đất ở Thánh Địa, và mua mấy cây nến đã thắp tại mộ Chúa. Ông ghi lại họ tên người nhà ở tám nơi để họ được cầu nguyện. Thế là ông tiêu gần hết số tiền, chỉ còn chút ít đủ để hồi hương. Rồi ông lên đường trở về. Ông cuộc bộ tới Giáp-pha, từ đó lên tàu tới Ô-đét-xa, và lội bộ về nhà.

XI

Ê-phim theo đường cũ trở về, và càng gần tới nhà lại càng thêm âu lo không biết công việc ở nhà ra sao trong lúc ông vắng mặt. Ông nghĩ: “Một năm là bao nhiêu nước chảy qua cầu. Tục ngữ bảo đồn củi ba năm, thiêu nội một giờ.” Và ông tự hỏi trong khi vắng cha, con trai ông coi sóc nhà cửa ra sao vào buổi xuân sang hay lúc đông về.

Khi đi qua cái huyện là nơi chia tay Ê-li-sê vào mùa hè năm rồi, Ê-phim khó lòng tin rằng đó vẫn là những con người ông đã gặp. Năm ngoái họ đang chết đói nhưng bây giờ lại sống sung túc. Mùa màng thâu hoạch tốt, người dân hồi phục và đã quên đi dĩ vãng khổ ải.

⁽²⁴⁾ Nơi Chúa Hai Đồng giảng sinh. (*Lu-ca* 2:4-7).

⁽²⁵⁾ Nơi Đức Giê-su cứu La-da-rô sống lại từ cõi chết. (*Gio-an* 12:1)

⁽²⁶⁾ Nơi Đức Giê-su chịu phép rửa. (*Mát-thêu* 2:13-15)

Một buổi tối Ê-phim tới đúng địa điểm mà Ê-li-sê đã lưu lại. Khi ông bước vào làng, một bé gái mặc áo trắng từ trong nhà chạy ra và nói:

- Mời ông vào nhà chúng con.

Ê-phim định đi luôn nhưng bé gái không chịu. Nó níu áo khoác của ông, cười ra tiếng, và kéo ông về nhà nó, vừa vịn có một phụ nữ cùng với thằng bé con bước ra, ngoắc tay mời ông. Chị nói:

- Ông nội ơi, vào ăn tối và ngủ lại nhà chúng con nhé.

Thế nên Ê-phim đi vào.

Ông nghĩ: “Mình có thể hỏi thăm về Ê-li-sê. Đây đúng là cái nhà ông tới xin nước uống.”

Chị giúp ông cởi cái túi đang đeo, bưng nước cho ông rửa mặt. Rồi mời ông ngồi ở bàn, chị bày ra trước mặt ông nào sữa nào bánh và cháo yến mạch. Ê-phim cảm ơn chị, khen chị tử tế với khách hành hương. Chị lắc đầu, thổ lộ:

- Chúng con có lý do tốt đẹp để chào đón các khách hành hương. Chính một vị dọc đường hành hương đã cho chúng con biết cuộc sống là gì. Chúng con đã sống mà bội ơn Thiên Chúa, và Thiên Chúa trừng phạt chúng con suýt chết. Hè năm ngoái chúng con trải qua cảnh ngộ như thế. Cả nhà chúng con nằm bẹp dí, chẳng có miếng gì ăn. Đáng lẽ chúng con chết cả rồi, nhưng Thiên Chúa phái một ông cụ tới cứu chúng con. Cụ ấy cũng hành hương như cụ vậy. Bữa đó cụ ấy đến xin nước uống, nhìn thấy tình cảnh chúng con nên đem lòng thương xót mà nấn ná trong nhà con. Cụ giúp chúng con miếng ăn miếng uống, và vực chúng con đứng dậy. Cụ giúp chúng con

chuộc lại đất, còn mua cho cái xe và con ngựa.

Đến đây thì một bà lão đi vào, cắt ngang lời chị ta. Bà nói:

- Chúng tôi chẳng biết đó là người phạm hay là thiên thần Thiên Chúa sai tới. Cụ thương cả nhà chúng tôi, xót đau cho mọi người, và cụ rời đi mà chẳng tiết lộ danh tánh, thành thử chúng tôi nào biết cụ là ai mà cầu nguyện tạ ơn cụ. Bây giờ tôi có thể hình dung mọi việc ngay trước mắt. Tôi nằm kia chờ chết thì một cụ hỏi đầu đi vào xin nước. Tôi, chính con người tội lỗi tôi đây, tự nhủ: ‘Lão này lảng vảng nhà mình làm gì nhỉ?’ Nhưng hãy nghĩ tới những gì cụ ấy đã làm. Vừa thấy chúng tôi, cụ đặt túi xuống, đặt ngay chỗ đó, và mở miệng túi ra.”

Đến đây thì cháu gái chen vào:

- Không phải đâu, bà nội! Ban đầu cụ đặt túi ở giữa nhà, rồi cụ nhắc lên bỏ trên băng ghế.

Và họ bắt đầu bàn cãi và hồi tưởng tất cả những gì ông lão nói và làm, chỗ lão ngồi và ngủ, lời lão nói với từng người trong nhà.

Tối đến anh nông dân cỡi ngựa về nhà và cũng bắt đầu kể chuyện về Ê-li-sê, cho biết ông lão đã sống với họ ra sao.

- Nếu cụ ấy chẳng tới thì tất cả chúng con đã chết với tội lỗi bản thân. Chúng con hấp hối, tuyệt vọng, trách Trời oán người. Nhưng cụ vực chúng con đứng dậy, và qua cụ chúng con học được cách hiểu biết Thiên Chúa, và tin rằng trong con người có tánh thiện lành. Cầu xin Chúa ban phúc cho cụ ấy. Chúng con quen sống như thú vật, nhưng cụ ấy biến chúng con thành người.

Sau khi cho Ê-phim ăn uống, họ chỉ chỗ ông ngủ và họ cũng đi nằm.

Tuy nhiên, dù đã ngã lưng Ê-phim vẫn không sao chớp mắt. Ông không thể xua Ê-li-sê ra khỏi tâm trí, cứ nhớ cách đã bắt gặp bạn mình ba lần ở Giê-ru-sa-lem ra sao, mà ông ấy lại đứng ở chỗ trang trọng nhất.

Ê-phim nghĩ: “Đó là cách ông tới Giê-ru-sa-lem trước mình. Thiên Chúa có thể chấp nhận hay không chấp nhận cuộc hành hương của mình, nhưng chắc chắn Thiên Chúa đã chấp nhận bạn mình.”

Sáng hôm sau Ê-phim chào từ giã và họ bỏ vào túi xách của ông một ít bánh trước khi ra đồng làm việc, còn ông tiếp tục hành trình.

XII

Ê-phim xa nhà đúng một năm, và lúc xuân sang thì ông bước vô nhà vào buổi tối. Con trai ông vắng mặt vì còn ở ngoài quán rượu, và lúc hấn chường mặt về thì đã quá chén. Ê-phim bắt đầu cật vấn. Mọi chuyện cho thấy chàng trai trẻ đã không vững vàng trong khi cha hấn đi xa. Tiền bạc hoang phí, việc nhà chệnh mảng. Người cha trách mắng và gã con trai thô lỗ trả treo.

Ông nói:

- Tại sao mày không ở nhà mà đích thân coi sóc mọi việc?

Mày hư hỏng, đem tiền tiêu xài rồi bây giờ lại xin tao!

Ông lão nổi giận, đánh con.

Sáng ra, Ê-phim đi gặp trưởng làng ta thán về tư cách con trai mình. Khi trở về ông đi ngang nhà Ê-li-sê, gặp vợ bạn đứng ở cổng chào ông. Bà nói:

- Chào bạn thân. Ông có khỏe không? Ông tới Giê-ru-sa-lem bình an chứ?

Ê-phim dừng chân. Ông đáp:

- Vâng, nhờ ơn Thiên Chúa, tôi đã tới đó. Tôi mất dấu lão chồng của bà, nhưng nghe rằng ông ấy về nhà bình an.

Bà lão thích bắt chuyện:

- Đúng vậy, bạn láng giềng ơi. Chồng tôi về lâu rồi, ngay sau lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời. Chúng tôi vui mừng là Thiên Chúa đưa ông ấy về với gia đình. Thiếu ông ấy chúng tôi như mất hồn. Chúng tôi đâu trông mong ông ấy làm lụng gì thêm nữa, ông quá tuổi rồi; nhưng dù sao thì ông vẫn là chủ gia đình và có mặt ông trong nhà thì vui hơn. Con trai tôi mừng vui lắm. Nó nói vắng bóng cha như thiếu ánh mặt trời. Ông bạn thân mến ơi, không có ông thì buồn nản lắm. Chúng tôi yêu mến ông, chăm sóc ông.

- Lúc này ông ấy có nhà chứ?

- Có đấy, bạn thân à! Chồng tôi đang tách mấy tổ ong ra, bảo là năm nay đàn ong sẽ sinh sôi đông đúc. Vào nhà đi, bạn láng giềng thân mến! Gặp lại ông, chồng tôi sẽ vui lắm.

Theo lối đi Ê-phim bước vào sân, tới chỗ nuôi ong gặp Ê-li-sê. Choàng áo khoác xám, không có lưới che mặt hay găng

tay, bạn ông đang đứng dưới tàn cây bạch hoa (*birch*), mặt ngẩng lên, hai cánh tay dang ra, cái đầu hói sáng bóng, y như hình ảnh Ê-phim nhìn thấy tại mộ Chúa ở Giê-ru-sa-lem. Từ trên cao ánh nắng chiếu xuyên qua tàn bạch hoa trông giống những ngọn lửa tỏa sáng trong thánh đường, và những con ong vàng kim không chích đốt chủ nó, cứ bay vòng vòng quanh đầu ông lão tợ như vầng hào quang.

Ê-phim dừng bước. Bà lão gọi chồng:

- Bạn ông tới rồi nè.

Ê-li-sê nhìn quanh, vẻ mặt tươi vui, và bước tới Ê-phim, vừa gỡ nhẹ mấy con ong bám vào bộ râu.

- Chào ông bạn láng giềng. Chúc bạn thân một ngày tốt lành. Ông tới đó bình an chớ?

- Hai chân tôi bước tới đó, và tôi có mang về cho ông chút nước lấy ở sông Gio-đan. Ông phải qua nhà tôi mà lấy nhé. Nhưng chả biết Chúa có chấp nhận những cố gắng của tôi hay không...

Ê-li-sê nói:

- Hãy tạ ơn Chúa! Cầu xin Đức Ki-tô ban ơn cho ông!

Ê-phim lặng im một lúc rồi nói tiếp:

- Hai chân tôi đã tới đó, nhưng liệu tâm hồn tôi hay tâm hồn người khác thật sự có ở đó hay không...

Ê-li-sê ngắt lời bạn:

- Bạn láng giềng ơi, đó là việc của Thiên Chúa, việc của Thiên Chúa mà.

- Trên đường trở về tôi có ghé vào ngôi nhà mà ông đã nấn ná ở lại...

Ê-li-sê cảnh giác, vội nói ngay:

- Bạn láng giềng ơi, việc của Thiên Chúa, việc của Thiên Chúa mà. Hãy vào nhà đi, tôi sẽ tặng ông chút mật ong.

Và Ê-li-sê nói lảng qua chuyện nhà cửa.

Ê-phim thở dài mà không kể cho Ê-li-sê biết rằng đã gặp những người mà bạn mình đã cứu giúp, cũng không kể lại ông nhìn thấy bạn mình ở Giê-ru-sa-lem ra sao. Nhưng giờ đây ông hiểu rằng cách tốt nhất để giữ lời hứa nguyện với Thiên Chúa và làm theo thánh ý là mỗi người trong lúc còn sống trên đời hãy thương yêu và làm điều lành việc phải cho những người khác.

*Mạc Tư Khoa, 1885
Nhiều Lộc, 21-4-2021*

SUY NIỆM

Trước khi quý bạn xếp lại tập truyện mỏng này, chúng tôi xin chia sẻ đôi điều suy niệm.

1. Ba Vị Ẩn Sĩ khiến chúng ta nhớ rằng Đức Giê-su từng nhắc lại lời của ngôn sứ I-sai-a (Mác-cô 7:6): *“Dân này tôn kính Ta bằng môi bằng miệng, còn lòng dạ chúng lại xa Ta.”* (These people honour Me with their lips, but their hearts are far from Me.)

Ba vị ẩn sĩ quê mùa, mộc mạc không thờ Thiên Chúa *“bằng môi bằng miệng”* mà bằng trọn vẹn tấm lòng chân thật; bởi thế, dầu không biết một nghi thức nào cho đúng phép Giáo Hội quy định, nhưng rất cuộc cả ba vị đều đạt được một năng lực siêu phàm, mà đời gọi là thần thông, ẩn giấu trong y phục quá sơ sài, hèn mọn.

Câu chuyện ly kỳ được người Nga truyền tụng ở vùng Vôn-ga (Volga), mà Tolstoy kể lại, khiến chúng ta nhớ tới Chương Bảy Mười Đạo Đức Kinh có câu: *Thị dĩ thánh nhân bị hạt hoài ngọc.* 是以聖人被褐懷玉. (Vì vậy bậc thánh nhân ngoài mặc áo vải thô, mà ôm ngọc quý trong lòng.)

2. Ngắn nhất trong hiệp tuyển này, **Kẻ Tội Lỗi Hối Ngộ** nhắc chúng ta nhớ tới một danh ngôn vẫn được truyền tụng là của Thánh Augustine: *“Không vị Thánh nào lại không có quá khứ; chẳng tội nhân nào mà chẳng có tương lai.”* (There is

no Saint without a past; no sinner without a future.)

Qua ngòi bút của Tolstoy, đạo lý này thêm một lần nữa được nhắc lại: Người tội lỗi vẫn có tương lai tươi sáng vượt lên khỏi quá khứ tối tăm nhờ vào bản thân biết thành khẩn sám hối (tự lực) và nhờ biết nương cậy vào tình thương của Đấng cứu độ (tha lực). Chỉ có con người chối từ Trời Phật, chứ Phật Trời nào từ chối một ai. Đó là đạo lý mà Đức Cao Đài Thượng Đế trao gửi thế gian: *“Thầy đã đưa tay đến với các con, các con phải đưa tay tới với Thầy. Thầy sẽ dìu dắt các con đến gần Thầy và trở về cùng Thầy. Thầy cùng các con là một, sống trong lẽ thiên nhiên, trong mùa xuân vĩnh cửu.”* ⁽¹⁾

3. Dài nhất trong hiệp tuyển này, **Hai Ông Lão** kể chuyện một ông cụ thiết tha đến thánh địa Giê-ru-sa-lem hành hương để thỏa nguyện bình sinh một thuở, nhưng dọc đường đành phải quay về. Tuy trở về quê nhà nhưng ông vẫn xuất hiện được tại nơi thánh thiêng nhất ở Giê-ru-sa-lem.

Câu chuyện Tolstoy kể khiến chúng ta nhớ tới lời Thánh tông đồ Phao-lô trong thư thứ nhất gửi tín hữu Cô-rin-tô (6:19): *“Anh em chẳng biết rằng thân xác anh em là Đền Thờ của Thánh Linh sao?”* (Do you not know that your bodies are temples of the Holy Spirit?)

Ông lão nhà quê chơn chất ấy thật sự đã xây dựng được Đền Thờ của Thánh Linh (Thần Khí) trong nội tâm bằng cách hết lòng phụng sự anh em xa lạ đói nghèo, y như thể ông

⁽¹⁾ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam, 10-02-1975. *“Thầy đã đưa tay đến với các con”* là tha lực; *“các con phải đưa tay tới với Thầy”* là tự lực. Tu hành cực kỳ gian nan, thử thách đón đầu trăm bề; do đó, cần có cả tự lực và tha lực.

phụng sự Thiên Chúa. Tolstoy không trực tiếp rao giảng *Phúc Âm*, nhưng *Hai Ông Lão* nhắc chúng ta nhớ tới đoạn cuối chương 25 trong sách *Mát-thêu* (35-36; 40): “*Vì xưa Ta đói, các người đã cho ăn; Ta khát, các người đã cho uống; Ta là khách lạ, các người đã tiếp rước; Ta trần truồng, các người đã cho mặc; Ta đau yếu, các người đã thăm viếng; Ta ngồi tù, các người đến hỏi han. (. . .) Ta bảo thật các người: Mỗi lần các người làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các người đã làm cho chính Ta vậy.*”

Một lần nữa, *Hai Ông Lão* của Tolstoy nhắc chúng ta nhớ lời Chúa (Gio-an 15:12): “*Anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã thương yêu anh em.*”

Truyện cũng nhắc chúng ta nhớ lời Đức Chí Tôn: “*Sự thương yêu là cơ thể của Thầy.*”⁽²⁾ “*Thương nhau, tặng vật hiển dâng Thầy.*”⁽³⁾

Chúng ta ngộ ra, ông lão quê mùa của Tolstoy đã đến Giê-ru-sa-lem không phải bằng thân xác, mà đến bằng tất cả tình thương người vô điều kiện ở tấm lòng trắc ẩn của lão.

*

Người xưa bảo: “*Văn dĩ tải Đạo.*” Những câu chuyện thâm thúy của Tolstoy có lẽ dễ lay động lòng người hơn những bài thuyết giáo khô khan. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo nhắc nhở chúng ta “*mỗi ngày phải chừa một giờ để đọc thánh kinh hiền*

(2) Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 08-02-1967.

(3) Thiên Nguyệt Lâm Huyền Châu (Hội Thánh Hậu Giang Minh Chơn Đạo), 26-8-1969.

truyện.”⁽⁴⁾ Hiểu rộng ra, “hiền truyện” có thể là truyện về hành trạng các bậc Hiền Thánh cổ kim; cũng có thể là những truyện bồi dưỡng tâm phàm cho trở nên lòng Hiền dạ Thánh.

Bởi vậy, trong mười ba năm hành đạo (tháng 6-2008 / tháng 6-2021), bên cạnh các sách khảo cứu nhằm xiển minh giáo lý, khái quát lịch sử Đạo nhà, và bắc cầu liên tôn, v.v... Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo còn có khá nhiều quyển được xếp vào TỦ SÁCH VĂN HỌC ĐẠI ĐẠO. Trộm nghĩ:

- Quý đạo hữu có thể mượn những câu chuyện ngắn ngắn trong Tủ Sách Văn Học Đại Đạo để vừa giải trí, vừa di dưỡng tâm hồn.

- Quý huynh tỷ làm công tác Phổ Tế (hay thuyết minh giáo lý) có thể mượn những câu chuyện đời mà rất đạo lý ấy để minh họa, điểm xuyết cho bài giảng thêm sinh động trong những ngày sóc vọng ở họ đạo.

- Quý đạo hữu phụ trách hướng dẫn các thiếu nhi nhà Đạo sinh hoạt trong những ngày Chủ Nhật cũng có thể lựa các mẩu chuyện nho nhỏ phù hợp lứa tuổi các em để giúp đào luyện tinh thần cho thế hệ tiếp nối của Đạo.

Xin trân trọng sẻ chia với quý đạo hữu gần xa chút ý hướng như vậy trên dặm dài chữ nghĩa Kỳ Ba.

Nhiều Lộc, 23-4-2021
Huệ Khải

(4) Vạn Quốc Tự, 07-12-1965.

NGOẠI TẬP

OSCAR WILDE

GÃ KHỔNG LỒ ÍCH KỶ

HUỆ KHẢI dịch

Oscar Wilde sinh ngày 16-10-1854 tại Đô Bá Lâm (*Dublin*), thủ đô Ái Nhĩ Lan (*Ireland*). Ông tạ thế ngày 30-11-1900 tại Ba Lê (*Paris*), thủ đô nước Pháp. Ông là nhà thơ, nhà văn, soạn kịch, và người phát ngôn cho phong trào Mỹ Học ở nước Anh cuối thế kỷ 19 với chủ trương nghệ thuật vì nghệ thuật (art for art's sake).



Gã Khổng Lồ Ích Kỷ (*The Selfish Giant*) là truyện ngắn thứ tư trong năm truyện Oscar Wilde viết riêng cho trẻ em, in

chung một hiệp tuyển với nhan đề *Ông Hoàng Hạnh Phúc Và Các Truyện Khác* (*The Happy Prince and Other Tales*), xuất bản tháng 5-1888.

Nhiều nơi dạy trẻ, sau khi kể chuyện cho các bé nghe, hay sau khi cho xem phim, giáo viên còn hướng dẫn các bé tìm hiểu cốt chuyện qua hình thức trắc nghiệm, với các câu hỏi đơn giản dựa vào nội dung toàn truyện ngắn.

Thí dụ: Về phần mở đầu câu chuyện, các bé được hỏi: *Khu vườn bọn trẻ vào chơi là của ai?*

Có bốn đáp án để trẻ lựa chọn: (a) *Của gã khổng lồ*; (b) *Của bọn trẻ*; (c) *Của cha mẹ bọn trẻ*; (d) *Không biết*.

Lược kể đôi điều như vậy để thấy truyện ngắn *Gã Khổng Lồ Ích Kỷ* của Oscar Wilde trải qua hơn một thế kỷ vẫn có sức cuốn hút xã hội vì giá trị đạo lý, nhân bản hàm chứa trong đó; đặc biệt là nhằm giáo dục trẻ em mà cũng không loại trừ người lớn.

Đúng vậy, *gã khổng lồ* thật ra là ai? Phải chăng là người lớn chúng ta trong mắt trẻ thơ? Thế thì chúng ta có đủ lòng yêu thương con trẻ không? Có còn nhớ lời Thầy Giê-su dạy (Mát-thêu 19:14): *“Cứ để trẻ em đến với Thầy, đừng ngăn cấm chúng, vì Nước Trời là của những ai giống như chúng.”* (*Let the little children come to me, and do not hinder them, for the Kingdom of Heaven belongs to such as these.*)

Gã Khổng Lồ Ích Kỷ là câu chuyện về một kẻ ích kỷ, vô cảm nhưng trở thành người nhân ái, vị tha, để cuối cùng được thánh hóa, được Chúa Hải Đồng đưa về Thiên Đàng. Vậy thì truyện ngắn *Gã Khổng Lồ Ích Kỷ* chính là câu chuyện về tình thương thánh hóa con người.

Câu chuyện của Oscar Wilde chẳng khác chi một dụ ngôn (*parable*) về thương yêu; nó nhắc chúng ta nhớ lời Đức Cao Đài Thượng Đế khuyên dạy: “*Sự thương yêu là chìa khóa mở tam thập lục thiên, cực lạc thế giới và Bạch Ngọc Kinh. Kẻ nào ghét sự thương yêu thì chẳng hề qua khỏi cửa luân hồi.*”⁽¹⁾

Từ xưa tới nay (thập niên 2020), ở nhiều nước khác nhau, *Gã Khổng Lồ Ích Kỷ* được dịch ra nhiều ngôn ngữ, chuyển thể thành truyện tranh, sách nói (ghi âm vào đĩa, băng từ), bài hát, nhạc kịch, hòa tấu, múa ba-lê, phim hoạt hình, v.v... (xem thêm chi tiết ở phần “*Adaptations*” liên quan truyện ngắn này, tại https://en.wikipedia.org/wiki/The_Happy_Prince_and_Other_Tales). Cũng bởi tính cách phổ biến (hay bình dân) của câu chuyện, chúng tôi ghép chung vào *Chuyện Đạo Bình Dân*, coi như ngoại tập.

Các minh họa trong truyện mượn từ tạp chí *Reader's Digest*, phát hành khoảng năm 1970 (?); vì đã thất lạc bản in này, chúng tôi không thể ghi rõ phương danh họa sĩ.

Nhiều Lộc, 24-4-2021
Huệ Khải



Gã khổng lồ xây tường cao rào kín vườn và dựng tấm bảng cấm.

⁽¹⁾ *Thánh Ngôn Hiệp Tuyển*, đàn ngày 27-10-1927.

GÃ KHỔNG LỒ ÍCH KỶ

Mỗi chiều tan trường về bọn trẻ thường chơi trong vườn gã khổng lồ.

Vườn rộng, dễ thương, cỏ xanh mềm mại. Khắp vườn mọc những đóa hoa đẹp, trông như các vì sao. Có mười hai cây đào, hễ xuân sang lại nở rộ những đóa màu hồng thanh mảnh và đến thu về thì nặng trĩu quả mọng. Chim chóc đậu trên cây, giọng hót ngọt ngào đến nỗi các em thường ngưng chơi đùa lắng tai thưởng thức. Các em bảo nhau:

- Ở đây bọn mình vui quá hén!

Một ngày kia gã khổng lồ trở về. Hắn thăm bạn phương xa và nán lại chơi bảy năm. Đến nhà, hắn bắt gặp các em đang nô đùa trong vườn.

- Chúng mày làm gì ở đây?

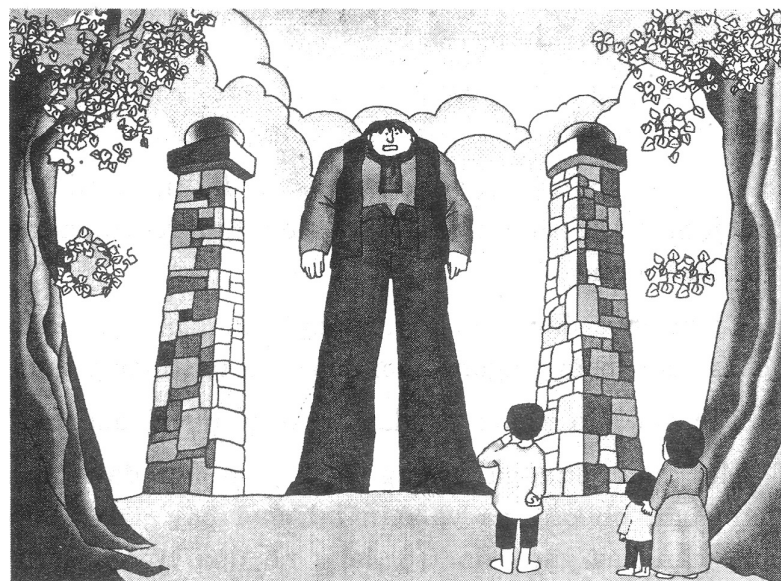
Hắn gào lên, giọng cộc cằn và lũ trẻ chạy mất.

- Vườn của tao là của tao. Ai cũng hiểu vậy và trừ tao ra không ai được chơi ở đây.

Thế là hắn xây tường cao bao kín khu vườn và dựng tấm bảng: AI XÂM PHẠM SẼ BỊ TRỪNG TRỊ.

Hắn là gã khổng lồ rất ích kỷ.

Bọn trẻ đáng thương giờ đây chẳng còn nơi nào chơi. Các



Hắn gào lên: “Chúng mày làm gì ở đây?”

em cố chơi trên đường, nhưng lại bụi bặm và nhiều đá cứng, chẳng thích thú gì. Tan học, các em thường rảo quanh tường cao và nói về khu vườn đẹp bên trong. Các em bảo nhau:

- Hồi trước bọn mình chơi trong đó vui quá!

Rồi xuân sang, khắp xứ đâu đâu cũng có những bông hoa nhỏ nhỏ và những chú chim be bé. Duy trong vườn gã khổng lồ ích kỷ vẫn còn mùa đông. Bởi không có bọn trẻ, chim chóc chẳng màng hát ca trong vườn và cây cối cũng quên trở bông. Có lần, một đóa hoa xinh xinh nhô lên khỏi đám cỏ, nhưng nhìn thấy tấm bảng cấm, hoa tội nghiệp cho bọn trẻ đến nỗi thụt trở lại lòng đất và đi ngủ luôn.

Hai kẻ duy nhất vui mừng là tuyết lạnh và băng giá. Chúng reo hò:

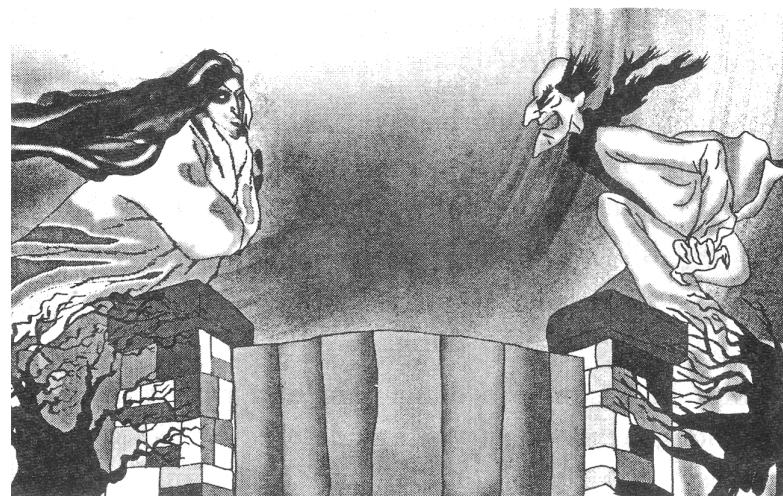
- Xuân đã quên khu vườn này rồi. Tụi mình sẽ ở đây suốt năm.

Mụ tuyết lấy tấm áo choàng trắng vĩ đại trùm kín mặt cỏ, còn băng giá thì phết lên cây cối một lớp bạc. Rồi chúng rủ gió bắc đến ở chung, và lão đến ngay. Suốt ngày lão gầm thét khắp vườn, thổi rớt những ống trụ gắn ở miệng ống khói. Lão thốt:

- Đây là chốn vui vẻ. Bọn ta phải mời mưa đá ghé chơi.

Thế là mưa đá tới. Mỗi ngày y dội trên mái lâu đài ba tiếng đồng hồ cho đến khi đập vỡ gần hết các tấm ngói. Xong rồi y tận lực chạy ào ào nhiều vòng quanh vườn. Hơi thở của y lạnh buốt như nước đá.

Ngồi bên cửa sổ nhìn ra khu vườn trắng xóa, lạnh lẽo, gã khổng lồ ích kỷ than:



Hai kẻ duy nhất vui mừng là mụ tuyết lạnh và lão băng giá

- Chẳng hiểu sao xuân tới muộn thế. Mình mong thời tiết sẽ thay đổi.

Nhưng xuân không bao giờ tới. Hè cũng chẳng đời nào sang. Thu đem tặng mọi khu vườn khác những quả chín vàng nhưng lại chẳng cho vườn gã khổng lồ một thứ gì. Nàng thu bảo:

- Hấn ích kỷ lắm!

Thế nên nơi ấy bao giờ cũng là mùa đông, và gió bắc, mưa đá, băng giá nhảy múa khắp khu vườn.

Một buổi sớm còn đang nằm nán trên giường thì gã khổng lồ nghe ra vài âm điệu tươi vui. Nó vang bên tai ngọt ngào đến nỗi hẳn ngỡ rằng các nhạc công của đức vua đang đi qua.

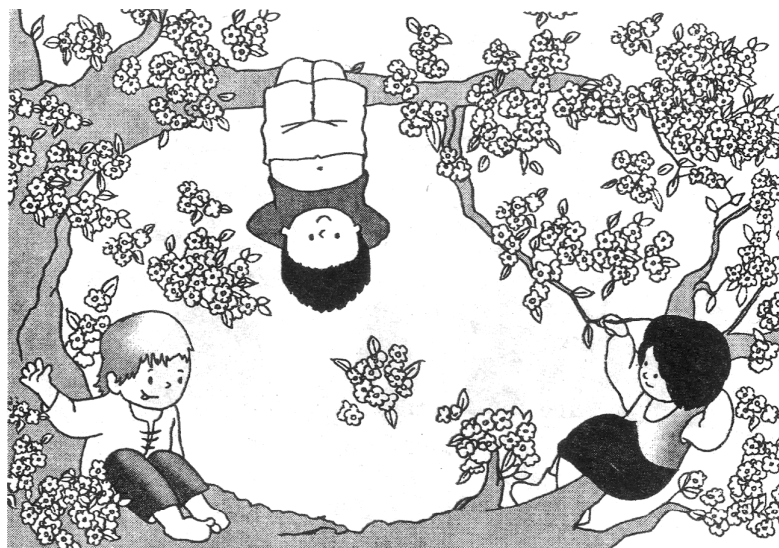
Thực ra chỉ là một cánh chim hồng tước nhỏ nhắn đang hót bên ngoài cửa sổ phòng ngủ, nhưng vì đã lâu lắm rồi mới nghe được chim hót trong vườn nên âm thanh này đối với hẳn dường như là nét nhạc hay nhất trần gian. Lúc ấy mưa đá đã ngưng nhảy múa trên đầu hẳn, gió bắc cũng thôi gào thét, và một mùi hương dịu dịu theo cửa sổ mở lên đến bên hẳn.

- Mình tin rằng cuối cùng xuân đã đến.

Gã khổng lồ nhảy xuống giường và nhìn ra ngoài.

Hắn nhìn thấy gì?

Hắn bắt gặp một cảnh tượng rất tuyệt vời. Bọn trẻ đã chui qua một lỗ nhỏ ở bức tường và các em đang ngồi vắt vẻo trên những cành cây. Hấn có thể nhìn thấy một em bé ở mỗi thân cây.



Có thể nhìn thấy một em bé ở mỗi thân cây.

Thấy các em trở lại, cây cối vui đến nỗi đã khoác lên lớp áo hoa và dịu dàng đu đưa cánh tay trên đầu các em. Chim chóc bay quanh và ríu rít reo vui, còn hoa thì ngẩng mặt lên khỏi lớp cỏ xanh và tươi cười.

Cảnh thật đáng yêu nhưng ở một góc vườn xa nhất vẫn còn nguyên mùa đông. Một chú bé xúu đứng đấy. Chú bé đến nỗi không với tới cành cây và chú cứ đi loanh quanh dưới gốc, khóc tức tưởi.

Thân cây tội nghiệp vẫn còn phủ nguyên băng giá và tuyết lạnh, còn gió bắc cứ lồng lộng và gào thét trên tàn cây.

- Bé ơi, leo lên em!

Cây nói thế và ráng hết sức hạ các cành xuống thật thấp; nhưng chú bé lại nhỏ quá.

Gã khổng lồ nao cả lòng khi nhìn ra vườn. Hắn nói:

- Bấy lâu mình ích kỷ quá! Giờ thì mình biết vì sao xuân chẳng chịu về đây. Mình sẽ bế chú nhỏ đáng thương kia đặt lên cành cây, và mình sẽ phá sập bức tường. Khu vườn của mình sẽ là sân chơi cho bọn trẻ mãi mãi.

Thật lòng hối lỗi những gì trót làm, thế là hắn rón rén xuống cầu thang và mở cửa trước thật nhẹ nhàng, rồi đi ra vườn. Tuy nhiên, khi nhác thấy hắn, các em nhỏ khiếp hãi bỏ chạy hết, và khu vườn lại hóa ra mùa đông.

Chỉ có chú bé nọ là không chạy đi, vì hai mắt đăm lẹ đâu thấy được gã khổng lồ đang tới gần.

Hắn len lén ra phía sau lưng bé, nhẹ nhàng bế lên và đặt em ngồi trên cành. Cây lập tức nở rộ hoa, và chim chóc bay



Nhưng ở một góc vườn xa nhất vẫn còn nguyên mùa đông.



Hắn nhẹ nhàng bế em lên và đặt trên cành cây.



Ai đi qua đó đều thấy ông khổng lồ vui đùa cùng đàn trẻ.

đến, đáp xuống, ca hát, còn chú bé thì giơ hai cánh tay ôm lấy cổ gã khổng lồ và hôn hân. Các em khác đã chứng kiến hết, cùng chạy ùa vào vườn, mang theo cả mùa xuân trở lại.

- Các con, bây giờ vườn này là của các con.

Ông khổng lồ nói vậy và xách chiếc búa to tướng ra đập cho bức tường đổ sập xuống. Hôm ấy, ai đi qua đó vào giờ trưa đều thấy ông khổng lồ vui đùa cùng đàn trẻ trong khu vườn đẹp nhất xưa nay họ chưa từng nhìn thấy.

Bọn trẻ chơi đùa suốt ngày. Xế chiều chúng tới gặp ông khổng lồ chào ra về. Ông hỏi:

- Bạn nhỏ các con đâu rồi? Chú bé ta bế lên cây đó.

Ông thương chú ấy nhất vì chú đã hôn ông.

Bọn trẻ đáp:

- Chúng con không biết. Bạn ấy đi mất rồi.

Ông khổng lồ căn dặn:

- Hãy bảo bạn ấy ngày mai nhất định phải tới đây nhé!

Nhưng bọn trẻ đáp chúng chẳng biết chú nhỏ sống ở đâu, và trước kia chưa hề gặp chú. Ông khổng lồ thấy buồn quá.

Chiều chiều tan học, bọn trẻ tới chơi với ông khổng lồ. Nhưng chú bé ông yêu mến thì chẳng hề gặp lại. Ông khổng lồ rất tử tế với tất cả các trẻ, nhưng tha thiết trông ngóng người bạn nhỏ đầu tiên của mình và hay nhắc tới chú. Ông thường nhủ lòng:

- Sao mình lại khao khát gặp bé đến thế!

Năm tháng trôi qua, ông khổng lồ trở nên già yếu hơn.



Lão khổng lồ già yếu ngồi trong chiếc ghế bành đồ sộ.

Không còn chơi đùa với các em được nữa, lão ngồi trong chiếc ghế bành đồ sộ dõi mắt nhìn theo cuộc vui của các em và chiêm ngưỡng khu vườn của mình.

Lão cảm khái:

- Mình có nhiều hoa đẹp đấy, nhưng trẻ thơ mới là những đóa hoa đẹp nhất trên đời.

Một sáng mùa đông, trong lúc mặc quần áo, lão nhìn qua cửa sổ. Bây giờ lão không ghét mùa đông nữa vì biết rằng chỉ vì nàng xuân đang ngủ và hoa cỏ đang nghỉ ngơi.

Bất chợt lão giụi mắt kính ngạc, và nhìn chăm chăm. Chắc chắn là một cảnh tượng ngoạn mục. Ở góc xa nhất của khu vườn là một thân cây trổ đầy hoa trắng mỹ miều. Các cành cây đều bằng vàng, lủng lẳng những trái bằng bạc, và đứng bên dưới tàn cây ấy là chú bé lão yêu mến.

Lòng tràn trề hân hoan, lão khống lồ vội vã xuống cầu thang và bước nhanh ra vườn. Lão hấp tấp băng qua bãi cỏ, tới gần chú bé. Và khi tới sát bên cạnh, mặt lão đỏ bừng lên vì phẫn nộ:

- Ai cả gan gây thương tích cho con thế này?

Trên hai lòng bàn tay của trẻ là hai dấu đinh, và cũng có dấu đinh trên hai bàn chân nhỏ bé. Lão hét lên đau đớn:

- Ai cả gan gây thương tích cho con thế này? Hãy nói đi, để ta mang đại đao ra xử nó.

Chú bé đáp:

- Không phải! Đây là những dấu tích của thương yêu.

- Người là ai?



Thân hình lão khống lồ phủ kín những đóa hoa trắng muốt.

Bỗng thấy lòng mình tràn ngập nỗi kính mộ pha trộn sợ hãi lạ kỳ, lão khổng lồ liền quỳ sụp xuống trước mặt chú bé.

Chú cười với lão và bảo:

- Trước đây con đã để cho Thầy vui chơi trong vườn nhà con. Hôm nay hãy theo Thầy tới vườn nhà Thầy. Nơi ấy là Thiên Đàng.

Chiều hôm đó khi chạy vào vườn, bọn trẻ thấy lão khổng lồ nằm bất động dưới gốc cây, thân hình phủ kín những đóa hoa trắng muốt.

*Nhiều Lộc, 06-01-1999
bổ di 18-11-2019*

CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

*Liên kết Nxb Tôn Giáo và Nxb Hồng Đức (Hà Nội) từ tháng 6-2008.
Sách thuộc TỦ SÁCH VĂN HỌC ĐẠI ĐẠO được đánh dấu **

- *134-1. CHUYỆN ĐẠO BÌNH DẪN. Lev Tolstoy, Huệ Khải dịch, 2021.
133-1. GÓP NHẶT LỜI QUÊ. Diệu Nguyên, 2020.
132-1. DI LẠC CHƠN KINH SƠ GIẢI / Preliminary Explanation of Maitreya True Sutra, Huệ Khải, Lê Anh Minh, 2020.
131-1. MINH ĐỨC KIM NGÔN. Minh Đức Nho Giáo Đại Đạo, 2020.
130/1961-1963. TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG - NĂM TÂN SỬU, QUÝ MÃO (1961, 1963). Huệ Khải chú thích, 2021.
130/1960. TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG - NĂM CANH TÝ. Huệ Khải chú thích, 2021.
130/1959. TÌM HIỂU THÁNH TRUYỀN TRUNG HƯNG - NĂM KỶ HỢI. Huệ Khải chú thích, 2020.
*129-1. VIẾT TRƯỚC HIỀN NHÀ. Nguyễn Quốc Huân (thơ), 2020.
*128-1. NƠI NÀO THƯƠNG YÊU THÌ CÓ THẤY. Lev Tolstoy, Huệ Khải dịch, 2019.
*127-1. CÓ NHỮNG MÙA SAO. Huệ Khải, 2019. | 126-1. NHƯ HOA NỞ MỤN. Huệ Khải, 2019.
125-1. PHÚC ÂM KỂ LẠI THEO R.F. WILSON. Huệ Khải, 2019.
124-1. THÁNH THI TRÍCH LỤC. Diệu Nguyên, 2019.
123-1. SƠ KHẢO THUẬT NGỮ ĐẠO CHỨA TRONG ĐẠO CAO ĐÀI / *A Preliminary Survey of Some Christian Terms Used in Caodaism*. Huệ Khải, 2019.
*122-1. VÚT MỘT ĐƯỜNG MÂY. H. Khải, 2018. | *121-1. TẮM LÒNG MỘT NGƯỜI THẤY. H. Khải, 2018.
120-1. ÁNH SÁNG CỦA TRẦN GIÀN. Diệu Nguyên, 2018.
119-1. PHAN THANH GIẢN XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2018.
*118-1. ĐỌC LẠI *CHUYỆN GIẢI BUỒN*. Huệ Khải, 2018.
117-1. SỰ NGHIỆP TRUNG HƯNG. Phạm Văn Liêm, 2018.
116-1. MỘT SỐ TỪ VIỆT CỔ TRONG KINH MINH LÝ ĐẠO VÀ PHẬT GIÁO HÒA HẢO. Huệ Khải, 2018.
115-1. CON ĐƯỜNG ĐẾN VỚI CAO ĐÀI. Huệ Khải kết tập, 2018.
*114-1. GỠ LẠI CHO ĐỜI. Huệ Khải, 2018.
113-1. Ý THỨC HỆ CAO ĐÀI / *The Caodai Ideology*. Huệ Khải, 2017.
112-1. CÁI ĐẸP THEO MỸ HỌC CAO ĐÀI / *Beauty in Terms of the Caodai Aesthetics*. Huệ Khải, 2017.
111-1. TÂM LÝ NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI / *The Psychology of Caodaists*. Huệ Khải, 2017.
110-2. MỘT THOÁNG CAO ĐÀI / *Brief Glimpses into Caodaism*. Huệ Khải, 2017, 2018.
*109-1. ÁI HOA KHÔNG CÒN NỮA. Lê Anh Minh, 2017. | *108-1. AI ĐO LÒNG BIỂN. H. Khải, 2017.
*107-1. CAO CAO DÁNG NÚI. Huệ Khải, 2017. | *106-1. MÔNG MẢNH TƠ TRỜI. Huệ Khải, 2017.
*105-1. SỐNG ĐẸP LÀ SỐNG ĐẠO. Huệ Khải, 2017.
*104-1. MÔNG CÁNH CHUỖN CHUỖN. Trần Dã Sơn (thơ), 2017.

103-1. HÀNH TRẠNG TIỀN KHAI LÊ VĂN TRUNG 1876-1934. Huệ Khải, 2017.
 102-1. ĐƯỜNG VỀ THẤY. Đức Thuần, 2017. | 101-1. GIỮ LỬA CHO NHAU. Huệ Khải, 2016.
 100-1. ĐÔI ĐIỀU VỀ BÌNH GIẢNG THÁNH GIÁO. Huệ Khải, 2016.
 099-1. *TRONG THỜI ĐẠI CHÚNG TAVỚI TÂM TÌNH MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI / Nostra Aetate in a Caodai Believer's Sentiment.* Huệ Khải, 2016.
 *098-1. GIỮA CHỖN TA BÀ. Huỳnh Văn Mười (thơ), 2015.
 *097-1. GỖI NGƯỜI ÁO TRẮNG. Trần Dã Sơn (thơ), 2015.
 096-1. ĐỐI THOẠI LIÊN TÔN GIÁO TỪ GÓC NHÌN MỘT TÍN HỮU CAO ĐÀI / *Interfaith Dialogues as Viewed by a Caodai Believer.* Huệ Khải, 2015.
 095-1. HÀNH TRẠNG TIỀN KHAI NGUYỄN NGỌC TƯƠNG 1881-1951. Huệ Khải, 2016.
 094-1. LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: KHAI MINH ĐẠI ĐẠO 1926 / *A Concise Caodai History: The 1926 Inauguration.* Huệ Khải, 2015.
 093-1. LƯỢC SỬ ĐẠO CAO ĐÀI: THỜI TIỀM ẨN 1920-1926 / *A Concise Caodai History: The Earliest Beginnings 1920-1926.* Huệ Khải, 2017.
 092-1. HỒNG AN TÂN ĐỘ. Phạm Văn Liêm, 2016.
 091-1. LỊCH SỬ THÁNH THẮT CAO ĐÀI THỦ ĐỘ HÀ NỘI. Huệ Khải, 2015.
 090-1. MINH THIÊN CHƠN KINH. Thánh tịnh Ngọc Linh, 2015.
 089-1. ĐẠO CAO ĐÀI TRONG ĐỜI SỐNG CÔNG CHÚNG / *Caodaism in Public Life.* Thiện Quang, Huệ Khải, 2015.
 088-1. MINH GIÁO THÁNH TRUYỀN. Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên, 2015.
 *087-1. NGỌN NẾN NÀO KHÔNG TẮT. Huệ Khải, 2015.
 086-1. MẤY NHÁNH RỐI SAU CÙNG MỘT NHÀ. Phạm Văn Liêm, 2014.
 085-1. GIA ĐÌNH TRONG TÂN LUẬT CAO ĐÀI / *Family in the Caodai New Law.* Huệ Khải, 2014.
 *084-1. NẾO VỀ TÂM LINH. Huệ Khải, 2014.
 083-1. TỰ THẤP ĐUỐC MÀ ĐI. Thiện Quang, 2014.
 082-1. TÌM HIỂU NGŨ CHI ĐẠI ĐẠO. Thanh Căn, 2014.
 081-1. THIÊN ĐĂNG ĐỊA NGỤC HAI BÊN. Diệu Nguyên, 2014.
 080-1. VẠN HẠNH THIÊN SỰ XƯA VÀ NAY. Huệ Khải kết tập, 2014.
 079-1. NGŨ GIỚI CẤM XƯA VÀ NAY / *The Five Precepts Past and Present.* Huệ Khải, 2014.
 078-1. SƠ KHẢO BÀI KINH *NGỌC HOÀNG TÂM ẨN*. Lê Anh Minh, 2014.
 077-2. THIÊN BÀN TẠI NHÀ / *The God's Altar at Home.* Huệ Khải, 2014, 2017.
 076-1. TRỜI CHẴNG XA NGƯỜI. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2014.
 075-1. AN THUẬN QUẢ DUYÊN. Diệu Nguyên, 2014.
 074-1. HÀNH TRẠNG ĐỨC AN TRINH THẦN NỮ. Huệ Khải, 2014.
 073-1. TƯỞNG NHỚ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ. Huệ Khải chủ biên, 2014.
 072-1. PETRUS KÝ XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2014.
 071-1. HỒ BIỂU CHÁNH XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2014.

070-1. CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ GIẢNG SINH. Nhiều người viết, 2013.
 *069-1. DƯỚI MÁI ĐẠO VIỆN. Huệ Khải, 2013.
 068-1. TRUNG DU HÀNH ĐẠO. Nhiều người viết, 2013.
 067-2. ƠN CỨU ĐỘ. Diệu Nguyên, 2013, 2016.
 *066-1. THƠ NGƯỜI ÁO TRẮNG. Nhiều người viết, 2013.
 065-1. BÁT QUÁI ĐỒ THIÊN XƯA VÀ NAY. Nhiều người viết, 2013.
 064-1. ĐẠI ĐẠO VÀ TÔN GIÁO. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2013.
 063-1. CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ PHỤC SINH. Nhiều người viết, 2013.
 062-1. CUỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ. Huệ Khải, Lê Anh Minh (truyện tranh), 2013.
 061-2. GIỌT NGỌC KIM BÀN. Thanh Căn, 2013, 2014.
 060-1. MỤC ĐÍCH & ĐƯỜNG LỐI CƠ QUAN PHỐ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO. Đơn Tâm, 2013.
 059-1. QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY. Huệ Khải, 2013.
 058-2. CAO ĐÀI KHÁI YẾU. Đạt Đức, 2013, 2015.
 057-1. LƯỢC SỬ BÁT BỬU PHẬT ĐÀI. Thiện Bảo, 2012. | 056-1. ĐẠO LÝ HUYỀN CƠ. Thiện Bảo, 2012.
 055-2. HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN. Huệ Khải, 2012, 13. | *054-2. BẮC CẦU TÂM LINH. Huệ Khải, 2012, 13.
 053-1. CẤM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ (1928-1950) / *Caodaism under Persecution in Central Vietnam (1928-1950).* Huệ Khải, 2012.
 052-3. TU CỨU CỬU HUYỀN THẮT TỐ. Huệ Khải, 2012, 2013, 2017.
 051-3. CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA. Ngô Bái Thiên, tranh 4 màu, 2012 [in 2 lần], 2013.
 050-1. XUÂN HÒA ĐÔNG. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2012.
 049-1. KINH CỨNG TỬ THỜI. Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
 048-2. CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC. Huệ Khải, 2011, 2013.
 047-1. MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2011.
 *046-1. TIẾNG CHIM QUYẾN. Phạm Văn Liêm (thơ), 2011.
 045-1. NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU. Huệ Khải, 2011.
 *044-2. ĐỌC LẠI THẮT CHÂN NHÂN QUẢ. Huệ Khải, 2011, 2013.
 043-2. ĐIỂM TỰA TÂM LINH. Huệ Khải, 2011, 2012.
 *042-2. NHỊP CẦU TƯƠNG TRI. Huệ Khải, 2011, 2013.
 041-2. TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ. Phạm Văn Liêm, 2011, 2013.
 040-2. SỰ MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ. Đơn Tâm, 2011, 2012.
 039-2. TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN. Huệ Khải, 2011, 2012.
 038-9. KINH SÁM HỐI MINH HÒA. Tranh 4 màu, 2011, 2012, 2014, 2015, 2016, 2017.
 037-2. NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI. Đơn Tâm, 2011, 2012.
 036-2. ĐẠI THỨA CHƠN GIÁO. Cao Đài Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011, 2016.
 035-1. XUÂN CHUNG TÂM. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011.
 *034-3. THẮT CHÂN NHÂN QUẢ. Lê Anh Minh dịch và chú thích, 2010 [in 2 lần], 2012.
 033-2. TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO. Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2010, 2012.

- 032-1. NGÀI MINH THIÊN – CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP. Đại Cơ Huồn, 2010.
- *031-2. GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU. Huệ Khải, 2010, 2011.
- 030-2. MỘT DÒNG BÁT NHẢ. Huệ Khải, 2010, 2013.
- 029-2. DANH THẤY DANH ĐẠO. Đơn Tâm, 2010, 2012.
- 028-2. TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH. Huệ Khải, 2010, 2012.
- 027-2. HÀNH TRANG TIẾN BỒI CAO TRIỀU PHÁT. Cao Bạch Liên, Huệ Khải, 2010, 2012.
- 026-1. NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIÁNG ĐẠO. Đơn Tâm, 2010.
- 025-3. CẦU CHUYỂN ĐỨC TIN. Diệu Nguyên, 2010, 2011, 2012.
- 024-4. HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI. Diệu Nguyên, 2010 [in 2 lần], 2012, 2013.
- 023-2. ƠN GỌI MIỀN TRUNG. Phạm Văn Liêm, 2010, 2011.
- 022-2. TAM GIÁO VIỆT NAM – TIỀN ĐỀ TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI / *The Three Teachings of Vietnam as an Ideological Precondition for the Foundation of Caodaism*. Huệ Khải, 2010, 13.
- 021-2. BA MÓN BÁU CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI. Thanh Căn, 2010, 2012.
- 020-2. CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG. Bạch Liên Hoa, 2010, 2011.
- 019-1. XUÂN TRI ÂN. Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2010.
- 018-2. HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI. Phạm Văn Liêm, 2009, 2012.
- 017-2. THIÊN THƯ. Lê Anh Minh, 2009, 2013.
- 016-2. TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO. Huệ Khải, 2009, 2010.
- 015-3. TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI. Thanh Căn, Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- *014-4. ĐẠO ÁO TRẮNG. Phạm Văn Liêm, 2009, 2010, 2016.
- 013-1. HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TỴ (1965). Huệ Khải, Lê Anh Minh hiệp chú, 2009.
- 012-3. KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 011-2. NHỚ ĐẠT LINH. Huệ Khải chủ biên, 2008, 2009.
- 010-3. CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ. Phạm Văn Liêm, 2009 [in 2 lần], 2012.
- 009-2. LỄ BỔN. Cao Triều Phát soạn; Huệ Khải, Lê Anh Minh san nhuận, 2008, 2009.
- 008-2. BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN. Bùi Văn Tâm, 2008, 2012.
- 007-1. CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN. Đạt Linh, Đạt Truyền, Huệ Khải, 2008.
- 006-2. ĐẤT NAM KỲ – TIỀN ĐỀ PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI / *Cochinchina as a Legal Precondition for the Foundation of Caodaism*. Huệ Khải, 2008, 2010.
- 005-3. LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2008, 2010, 2012.
- 004-2. LÒNG CON TIN ĐẮNG CAO ĐÀI. Huệ Khải, 2008, 2010.
- 003-2. LỜI VÀNG SEN TRẮNG. Bạch Liên Tiên Trưởng; Huệ Khải chú thích, 2008, 2009.
- 002-3. NGŨ VĂN CHIÊU – NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN / *Ngũ Văn Chiêu – the First Caodai Disciple*. Huệ Khải, 2008, 2009, 2012.
- 001-3. ĐẤT NAM KỲ – TIỀN ĐỀ VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI / *Cochinchina as a Cultural Precondition for the Foundation of Caodaism*. Huệ Khải, 2008 [in 2 lần], 2012.

ĐẠI ĐẠO VĂN UYỂN (tập 1-24) | **ĐẠO UYỂN** (tập 25-38), hiệp tuyển thơ văn đạo lý.

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 – Fax: 024.39260031

CHUYỆN ĐẠO BÌNH DÂN
Tác giả: LEV TOLSTOY
Dịch giả: HUỆ KHẢI

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc: BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập: LÝ BÁ TOÀN
Biên tập: PHAN THỊ NGỌC MINH

Sửa bản in: DIỆU NGUYỄN
Trình bày sách & vẽ bìa 1-4: THIÊN TÂM (MINH LƯU)
Minh họa trên bìa 1: Mượn của
<https://www.behance.net/search/images?search=tolstoj>
Ảnh bìa 4: Mượn của Hertz.
Lev Tolstoy từ Moscow trở về Yasnaya Polyana (nơi ông chào đời).

In 1.200 cuốn, khổ 14,5cm x 20,5cm tại Xí Nghiệp In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.
Điện thoại: 028.38153971 – Fax: 028.38153297.
Số XNĐKXB: 1489-2021/CXBIPH/10-27/HĐ
Số QĐXB của NXB: 218/QĐ-NXBHĐ, cấp ngày 05-5-2021.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.
Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN): 978-604-328-580-2

Thỉnh kinh sách ấn tống, gửi e-mail về: daidaovanuyen@gmail.com



Trải qua hơn một trăm năm, *Gã Khổng Lồ Ích Kỷ* vẫn có sức cuốn hút xã hội vì giá trị đạo lý, nhân bản hàm chứa trong đó, đặc biệt là nhằm giáo dục trẻ em mà cũng không loại trừ người lớn; bởi chưng *gã khổng lồ* phải chăng là người lớn chúng ta trong mắt trẻ thơ?

HUỆ KHẢI



Quyển 134-1
trong CHƯƠNG TRÌNH
CHUNG TAY ẤN TỔNG
KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ISBN: 978-604-951-414-2



Sách ấn tổng. Không bán.
Free Gift book. Not for sale.